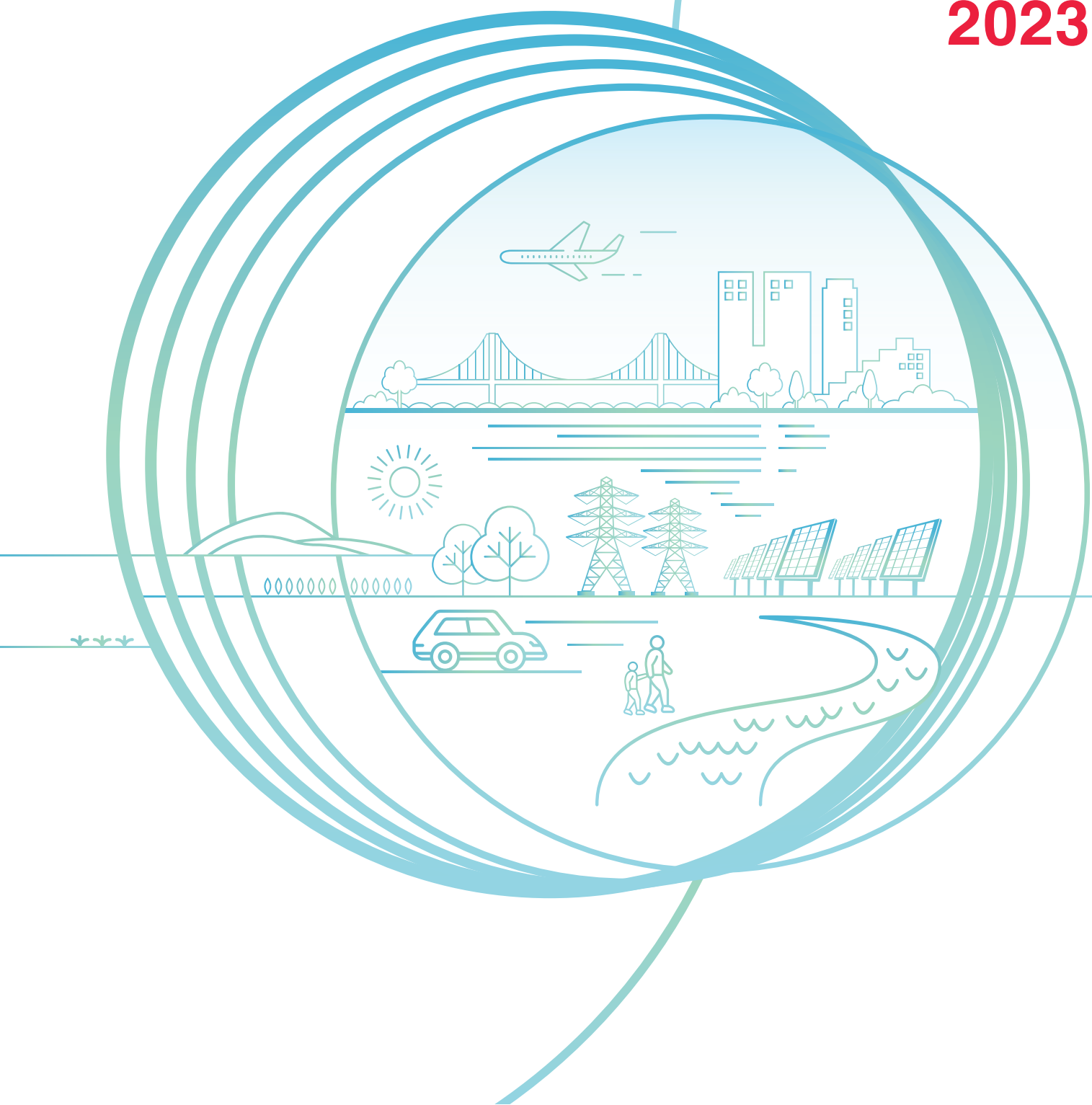


**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2023**



Thuật ngữ/ Từ viết tắt

CTCP	Công ty cổ phần
GELEX Điện lực/GELEX Electric	CTCP Điện lực GELEX
CADIVI	CTCP Dây cáp điện Việt Nam
THIBIDI	CTCP Thiết bị điện
HEM	CTCP Chế tạo điện cơ Hà Nội
EMIC	CTCP Thiết bị đo điện EMIC
CFT	Công ty dây đồng Việt Nam CFT
MEE	Công ty Cổ phần Sản xuất Máy Biến Áp Truyền tải MEE
Phát điện Gelex	Công ty TNHH Phát điện GELEX
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
CTTV	Công ty thành viên
SXKD	Sản xuất kinh doanh
VLXD	Vật liệu xây dựng
TV HĐQT	Thành viên HĐQT
PTBV	Phát triển bền vững
KQKD	Kết quả kinh doanh
R&D	Nghiên cứu và phát triển
TGD	Tổng giám đốc
CBNV	Cán bộ nhân viên



Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

“
Năm 2023, Công ty đạt 16.607 tỷ đồng doanh thu thuần hợp nhất, 967 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế hợp nhất, hoàn thành lần lượt 85,5% và 104% so với kế hoạch được phê duyệt
”

Kính thưa Quý cổ đông,

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực GELEX, tôi xin gửi lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc, và thành công tới các Quý cổ đông.

2023 - vượt “cơn gió ngược”

Kinh tế vĩ mô 2023 khởi đầu với nhiều khó khăn chuyển tiếp từ năm trước. Các nền kinh tế lớn trên toàn cầu gặp nhiều khó khăn do lạm phát tăng cao và tác động bởi chính sách tiền tệ thắt chặt. Là một nền kinh tế có độ mở lớn, kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi bối cảnh kinh tế thế giới. Chỉ số PMI các ngành sản xuất Việt Nam cho thấy bức tranh âm đạm trong sản xuất kinh doanh, có nguyên nhân sâu xa từ nhu cầu thế giới và trong nước suy giảm. Đối mặt với các thách thức đa chiều như vậy, năm 2023, GELEX Electric tập trung vào quản trị rủi ro, trọng tâm giữ vững thị phần, thị trường, tinh gọn trong hoạt động, và nâng cao sức khỏe tài chính. Năm 2023 qua đi đánh dấu một chặng đường đầy ấn tượng của GELEX Electric với những thành tựu đáng ghi nhận, minh chứng cho bản lĩnh vượt “cơn gió ngược”. Nhờ sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty và các công ty thành viên trong toàn hệ thống, Công ty đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu đề ra, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

Theo đó, năm 2023, Công ty đạt 16.607 tỷ đồng doanh thu thuần hợp nhất, 967 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế hợp nhất, hoàn thành lần lượt 85,5% và 104% so với kế hoạch được phê duyệt. Trong năm 2023, chúng tôi cũng tiếp tục đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực SXKD, tại các công ty thành viên như dự án CCV line tại Công

ty CP Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI); đầu tư máy móc thiết bị cải tạo, nâng cao hiệu suất, chất lượng tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI), tiếp tục triển khai đầu tư nâng cao năng lực tại Công ty Cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM)....; đồng thời triển khai các dự án phân phối điện trong các khu công nghiệp theo kế hoạch.

Năm 2023, Công ty cũng đã phê duyệt việc tái cấu trúc sở hữu vốn tại các doanh nghiệp phát điện để tập trung vào ngành nghề cốt lõi, kiến tạo nguồn lực để chuẩn bị cho các mục tiêu chiến lược tiếp theo.

2024 - kiên định và đổi mới

Năm 2024 được dự báo sẽ có nhiều điểm sáng nhưng cũng tồn tại không ít thách thức đối với hệ thống doanh nghiệp của GELEX Electric. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và khu vực đang có nhiều biến động, khả năng sáng tạo và chấp nhận thay đổi sẽ quyết định đến sự thành công bền vững của doanh nghiệp. Để duy trì đà phát triển, Công ty cần kiên định trong mục tiêu chiến lược và đổi mới mạnh mẽ trong mọi hoạt động

Năm 2024, hệ thống GELEX Electric tiếp tục tập trung phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, đầu tư nghiên cứu các sản phẩm mới hàm lượng công nghệ cao; đồng thời, tăng cường kiểm soát, quản trị rủi ro hoạt động, đẩy mạnh chuyển đổi số hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ tiếp tục rà soát, tái cấu trúc tại các doanh nghiệp thành viên và tiếp tục có các hoạt động M&A các doanh nghiệp tiềm năng, mang lại sự tăng trưởng về quy mô, gia tăng lợi thế cạnh tranh, phục vụ cho chiến lược phát triển dài hạn.

Năm 2024, GELEX Electric tiếp tục đầu tư phát triển nguồn lực con người thông qua: Tiếp tục triển khai Đề án phát triển nhân sự kế cận nhằm xây dựng đội ngũ lãnh đạo tương lai tài năng, tâm huyết; Tăng cường đào tạo: Từng bước chuyển đổi thành tổ chức học tập, nâng cao năng lực toàn diện cho nhân viên; Rà soát hệ thống quản trị và chính sách nhân sự: Đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển và mục tiêu phát triển.

Bên cạnh đó, với tinh thần trách nhiệm và sự quan tâm sâu sắc đến cộng đồng, GELEX Electric tiếp tục triển khai các hoạt động thiết thực trong năm 2024. Công ty tập trung hỗ trợ các lĩnh vực giáo dục, y tế và xã hội, hướng đến các khu vực và trường hợp còn khó khăn trên toàn quốc. Đây cũng là một trong những cách thức để Công ty thể hiện sự tri ân đối với cộng đồng, cùng nhau hướng đến một tương lai tươi sáng hơn.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng Công ty trong suốt thời gian qua. Sự tin tưởng và đồng hành của Quý vị là nguồn động lực to lớn để GELEX Electric tiếp tục phát triển và gặt hái nhiều thành công hơn nữa. Chúng tôi sẽ luôn nỗ lực hết mình để mang lại lợi ích cao nhất cho Quý vị cổ đông, đóng góp cho xã hội và đưa Công ty ngày càng phát triển vững mạnh

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng quản trị
NGUYỄN VĂN TUẤN

Các con số nổi bật của GELEX Electric.

TOP 1
DOANH NGHIỆP
SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN

VỐN CHỦ SỞ HỮU
5.951 tỷ đồng

DOANH THU THUẦN
16.607 tỷ đồng

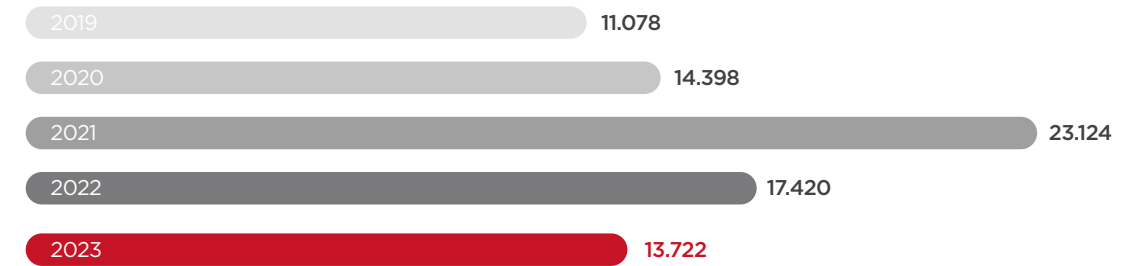
TỔNG GIÁ TRỊ
TÀI SẢN HỢP NHẤT
13.722 tỷ đồng

VỐN ĐIỀU LỆ
3.000 tỷ đồng

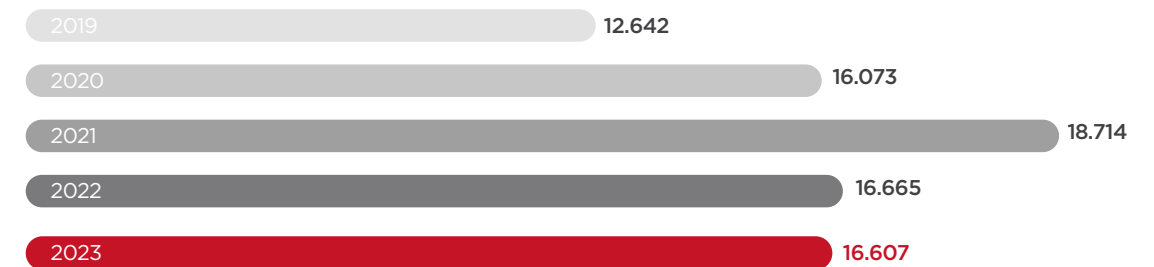
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
967 tỷ đồng



Tổng tài sản (tỷ VNĐ)



Doanh thu thuần (tỷ VNĐ)



Lợi nhuận trước thuế (tỷ VNĐ)



Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)





CHƯƠNG

01

Tổng quan về GELEX Electric

10	Thông tin chung
12	Quá trình hình thành và phát triển
14	Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động
18	Định hướng phát triển
19	Mô hình quản trị và sơ đồ tổ chức hoạt động
20	Thông tin Ban lãnh đạo
24	Cổ phần và cơ cấu cổ đông
24	Các rủi ro

Thông tin chung

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0107547109
Vốn điều lệ	3.000.000.000.000 VNĐ (Ba nghìn tỷ đồng)
Tổng khối lượng cổ phần đang lưu hành	300.000.000 Cổ phần
Địa chỉ	Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	024 73012344
Số fax	02436255297
Website	gelex-electric.com
Mã chứng khoán	GEE



Quá trình hình thành và phát triển.

2016

THÀNH LẬP

Ngày đầu thành lập, Công ty có tên là Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện do Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex) (“GELEX”) sở hữu 100% vốn, được thành lập vào ngày 29 tháng 8 năm 2016 với mục đích sản xuất, kinh doanh các thiết bị đo điện. Vốn điều lệ khi thành lập là 368 tỷ đồng.

2020

THAY ĐỔI MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX chuyển đổi loại hình thành Công ty cổ phần, đổi tên thành Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX (“GELEX Electric”) với vốn điều lệ là 2.218,7 tỷ đồng và trở thành chủ sở hữu 100% vốn điều lệ tại Công ty Dây đồng Việt Nam.

2022

CHÍNH THỨC GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX) - SÀN UPCOM

- Ngày 28/02/2022, Công ty nhận được Quyết định số 87/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần Thiết bị điện Gelex. Ngày giao dịch đầu tiên: 08/03/2022.

ĐỔI TÊN CÔNG TY:

Ngày 15/11/2022: Đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Điện lực GELEX

2023

KIÊN ĐỊNH VÀ ĐỔI MỚI

GELEX Electric là công ty mẹ sở hữu trực tiếp 08 công ty con sản xuất - kinh doanh trong 02 lĩnh vực chính: Sản xuất, kinh doanh thiết bị điện và quản lý, đầu tư các dự án nguồn phát điện, bao gồm:

Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (“CADIVI”);
Công ty Cổ phần Thiết bị điện (“THIBIDI”);
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”);
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC (“EMIC”);
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT (“CFT”);
Công ty TNHH Phát điện Gelex (“Phát điện Gelex”)
Công ty Cổ phần Mua bán điện Gelex (“Mua bán điện Gelex”)
Công ty Cổ phần SX Máy Biến áp truyền tải MEE (“MEE”)

2018

TÁI CẤU TRÚC

Tập đoàn GELEX thực hiện tái cấu trúc toàn bộ Công ty, trong đó bao gồm việc đổi tên Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện thành Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX với vai trò là công ty sub-holdings nắm giữ và quản lý phần vốn góp của GELEX tại các công ty sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực thiết bị điện: Công ty TNHH Thiết bị đo điện Emic (EMIC); Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (“CADIVI” - đã niêm yết tại HOSE với mã chứng khoán CAV), Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM” - đã đăng ký giao dịch chứng khoán tại UPCOM với mã chứng khoán HEM), Công ty Cổ phần Thiết bị điện (“THIBIDI” - đã niêm yết tại HOSE với mã chứng khoán THI)

2021

TRỞ THÀNH CÔNG TY ĐẠI CHỨNG QUY MÔ LỚN VỚI VỐN ĐIỀU LỆ 3.000 TỶ ĐỒNG.

Tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.
Doanh thu thuần đạt 18.714 tỷ đồng, tăng 16,4% so với năm 2020 và lãi sau thuế 655 tỷ đồng.
Ngày 24/12/2021, Chính thức trở thành công ty đại chứng theo văn bản số 8885/UBCK-GSDC ngày 24/12/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2021/GCNCP-VSD ngày 29/12/2021.
Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh:

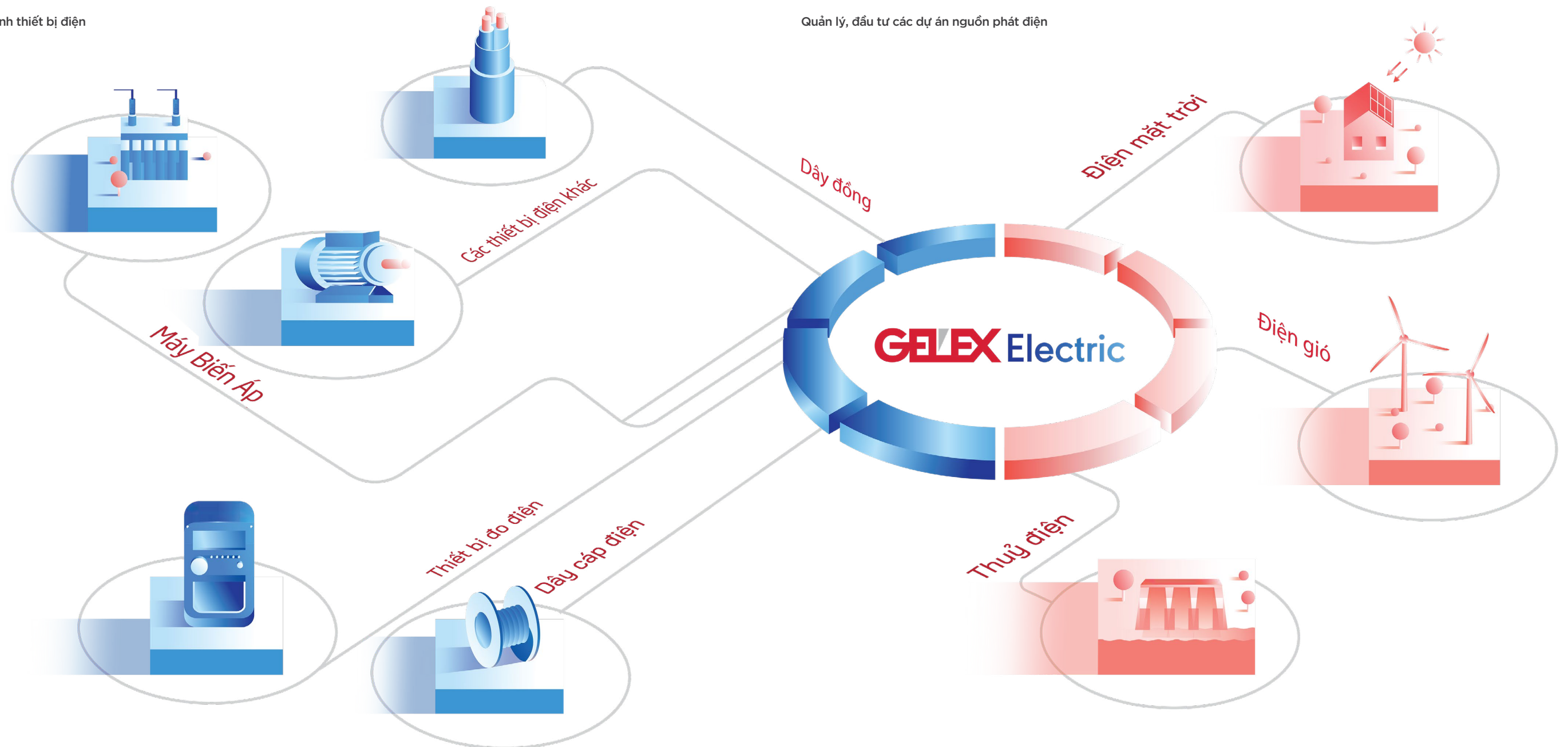
- Lĩnh vực thủy điện và điện mặt trời: Sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Phát điện GELEX.
- Lĩnh vực điện gió: Sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị.

Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động

Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh thiết bị điện

Quản lý, đầu tư các dự án nguồn phát điện



Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động

Địa bàn kinh doanh

GELEX Electric có trụ sở chính đặt tại Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Địa bàn kinh doanh của GELEX Electric và các CTTV trải khắp cả nước và xuất khẩu sang nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

1. Hà Nội

- Trụ sở chính của GELEX Electric
- Trụ sở chính của HEM
- Nhà máy sản xuất động cơ điện (HEM)
- Trụ sở chính EMIC
- Trụ sở chính HEM
- Trụ sở chính của MEE
- Trụ sở chính của Phát điện GELEX
- Trụ sở chính của Mua bán điện GELEX

2. Bắc Ninh

- Nhà máy sản xuất EMIC
- Nhà máy CADIVI Bắc Ninh

3. Quảng Trị

- Nhà máy điện gió Gelex 1, 2, 3

4. Đà Nẵng

- Tổng kho phân phối và bảo hành miền trung (HEM);
- Văn phòng đại diện THIBIDI
- Dự án điện mặt trời mái nhà
- Nhà máy CADIVI Miền Trung

5. Quảng Nam

- Nhà máy thủy điện Sông Bung 4A (Phú Thạnh Mỹ)

6. Ninh Thuận

- Trang trại điện mặt trời huyện Thuận Nam

7. Đồng Nai

- Trụ sở chính và nhà máy THIBIDI
- 02 Nhà máy sản xuất dây đồng CADIVI
- Văn phòng đại diện GELEX Ninh Thuận
- Dự án điện mặt trời mái nhà
- CADIVI Đồng Nai
- Trụ sở chính và nhà máy của CFT

8. Vũng Tàu

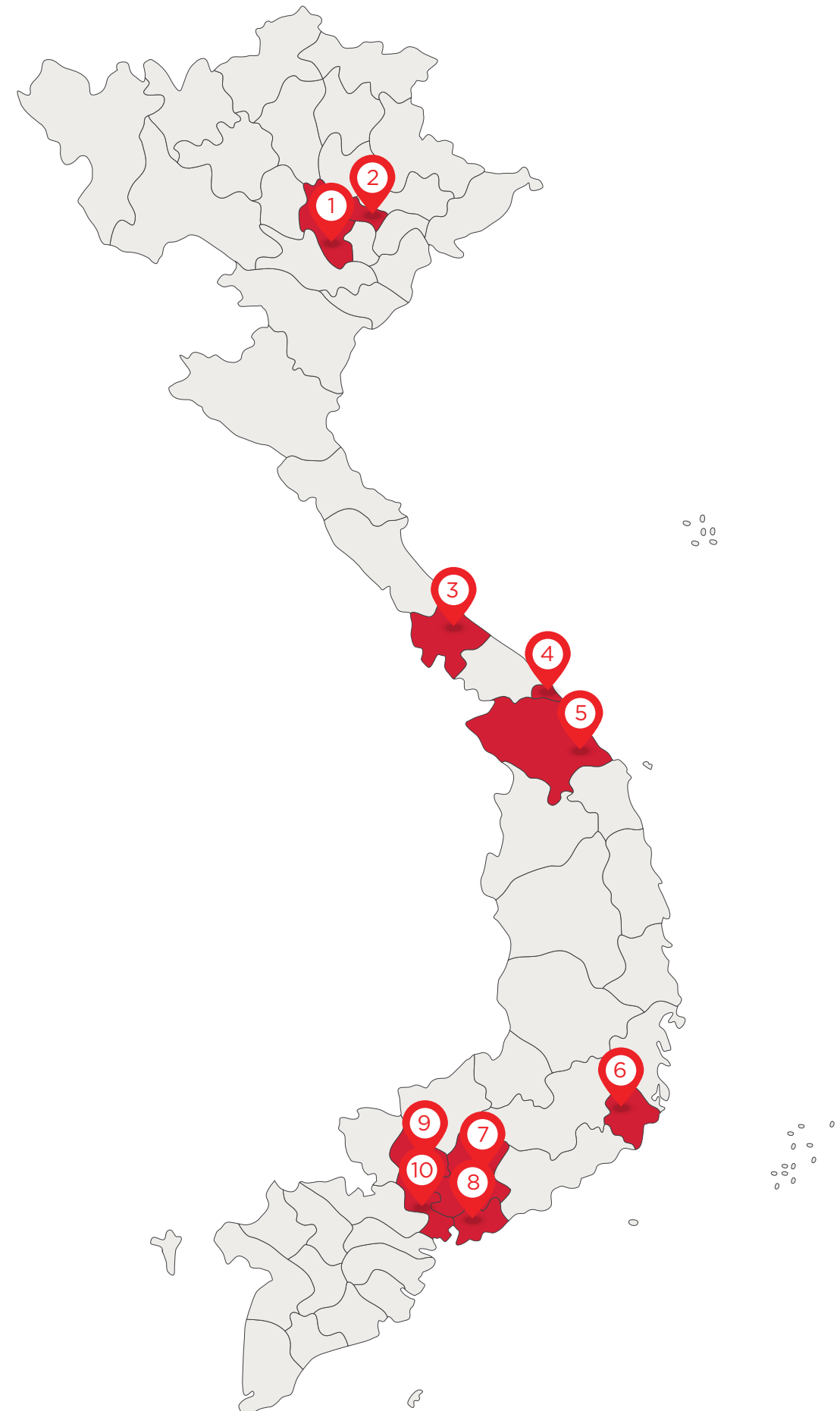
- 02 địa điểm kinh doanh của GELEX Ninh Thuận
- Dự án điện mặt trời mái nhà

9. Bình Dương

- Dự án điện mặt trời trên mái nhà

10. TP. Hồ Chí Minh

- Trụ sở chính CADIVI
- Nhà máy CADIVI Miền Đông
- Tổng kho phân phối và bảo hành Miền Nam (HEM).
- Văn phòng đại diện tại Miền Nam (HEM)
- Văn phòng đại diện THIBIDI
- Dự án điện mặt trời mái nhà



Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển chung của công ty



- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển, cải tiến sản phẩm, kiểm soát thiết bị công nghệ sản xuất phục vụ tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của các CTTV, đáp ứng nhu cầu của thị trường, nỗ lực trong việc tăng thị phần đồng thời tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Tiếp tục giữ vững vị thế hàng đầu, duy trì thương hiệu lâu đời và có tiềm năng phát triển trong ngành sản xuất thiết bị điện như máy biến áp phân phối, dây cáp điện, thiết bị đo điện...
- Tập trung vào năng lực cốt lõi của công ty. Xây dựng Hệ Sinh Thái Thiết Bị Điện, đẩy mạnh văn hóa doanh nghiệp và thương hiệu hệ thống.
- Tiếp tục xây dựng nền tảng quản trị cao nhất với năng lực tài chính vững mạnh.

Mục tiêu và chương trình hoạt động trong 3-5 năm tới

- Thực hiện và phát huy mạnh mẽ vai trò dẫn dắt, hoạch định chiến lược trong sản xuất kinh doanh, quản lý vận hành, sử dụng, huy động nguồn lực và hoạt động nghiên cứu phát triển.

a. Đối với lĩnh vực sản xuất thiết bị điện:

- Tập trung vào các sản phẩm phục vụ thị trường đại chúng, tăng cường phát triển thị trường trong nước và nước ngoài;
- Tối ưu hóa quy trình và đầu tư phát triển sản xuất đưa ra các sản phẩm có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường; Tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh mua bán điện tại các khu công nghiệp.
- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới ứng dụng công nghệ cao, tăng cường nhận chuyển giao công nghệ từ các đối tác hàng đầu trong ngành trên thế giới thuộc thể mạnh của GELEX Electric;
- Chú trọng xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và các phần mềm, ứng dụng để đưa ra các thông tin quản trị kịp thời, minh bạch, và tin cậy...

b. Đối với lĩnh vực mua bán điện:

- Tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh mua bán điện, đồng thời tiếp tục nghiên cứu dịch vụ mua bán điện trực tiếp DPPA (Direct Power Purchase Agreement) với các phụ tải khu công nghiệp.

Mô hình quản trị và sơ đồ tổ chức hoạt động

GELEX Electric quản trị công ty theo mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

- Đại hội đồng cổ đông: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: có 05 thành viên.
- Ban Kiểm soát: có 03 thành viên.
- Tổng giám đốc Công ty: là thành viên HĐQT phụ trách điều hành Công ty và dưới Ban Tổng Giám đốc có 04 (bốn) Ban chuyên môn giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.



Thông tin Ban lãnh đạo

Cơ cấu Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

Hội đồng quản trị

Ông NGUYỄN VĂN TUẤN

Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng, Cử nhân Luật Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ tháng 04/2016 - 04/2020: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam, Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam
- Từ tháng 09/2016- 12/2019: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Thiết bị điện GELEX
- Từ tháng 12/2019 – Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực GELEX
- Từ tháng 12/2016- 10/2020: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX
- Từ tháng 10/2020 – 5/2022: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX
- Từ tháng 04/2019 – 04/2023: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị điện
- Từ tháng 04/2019 – 12/2021: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh S.A.S – CTAMAD
- Từ tháng 09/2016 – Nay: Thành viên Thường trực HĐQT/ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
- Từ tháng 04/2017 – 05/2017 Thành viên HĐQT Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam
- Từ 05/2017 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam
- Từ tháng 01/2018 – 08/2020: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX)
- Từ tháng 06/2019 – Nay: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Viglacera-CTCP

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Kiểm toán, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 2015 – 2018: Phó TGD, Phó Chủ tịch tại Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam
- Từ 2015 – 2018: Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần vận tải đa phương thức Vietranstimex
- Từ 2017 – 2021: Thành viên HĐQT, TGD tại Tổng công ty Cổ phần đường sông Miền Nam
- Từ 2018 – 2019: Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam
- Từ 2020 – nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn
- Từ 02/2021 - 19/4/2022: Chủ tịch HĐQT tại Tổng công ty IDICO – CTCP
- Từ 10/2021 – 5/2022: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX
- Từ 5/2022 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX
- Từ 21/4/2022 – 1/1/2024: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
- 26/4/2022 – nay: Thành viên HĐQT Tổng công ty Viglacera-CTCP

Ông LÊ BÁ THỌ

Thành viên HĐQT

Ông ĐẶNG PHAN TƯỜNG

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ tháng 04/2016 - 04/2020: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ
- Từ tháng 09/2020 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần GVI Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung
- Từ tháng 05/2021 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Điện lực GELEX
- Từ tháng 09/2021 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam
- Từ tháng 04/2023- nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị điện

Ông ĐỖ DUY HUNG

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy

Quá trình công tác:

- Từ năm 2013 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Máy tính – Truyền thông – Điều khiển 3C
- Từ tháng 12/2019 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần thiết bị đo điện EMIC
- Từ tháng 11/2021- nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam
- Từ tháng 09/2021 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Điện lực GELEX
- Từ tháng 04/2021 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần chế tạo Điện cơ Hà Nội
- Từ tháng 6/2023 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần sản xuất Máy biến áp truyền tải MEE

Ông NGUYỄN TRỌNG TRUNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ tháng 08/2011 – 08/2016: Phó Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty TNHH Gelex CAMBODIA
- Từ tháng 08/2016 – 03/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex
- Từ tháng 10/2018 – 31/12/2022: Tổng Giám đốc Công ty CP Thiết bị đo điện EMIC
- Từ tháng 10/2018 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC
- Từ tháng 05/2022 – 10/2022: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện
- Từ tháng 10/2022 – 12/2023: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị điện
- Từ tháng 10/2022 - nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện
- Từ tháng 4/2022 - nay: Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Điện lực Gelex
- Từ tháng 04/2020 – nay: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Điện lực Gelex
- Từ tháng 09/2020 – 04/2021: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
- Từ tháng 09/2020 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội
- Từ tháng 9/2023 - nay: Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp GEIC
- Từ tháng 01/2024 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX

Thông tin Ban lãnh đạo

Ban Kiểm soát.

Ông ĐÀO VIỆT ĐÌNH

Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học

Quá trình công tác:

- 2006-2013: Deloitte, BDO Việt Nam - Trưởng nhóm kiểm toán
- 2013-2021: Tập đoàn Bitexco - Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ
- 2021-2022: Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) - Trưởng ban Kiểm toán nội bộ
- 08/2022 - nay: Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX - Trưởng phòng kiểm toán hoạt động
- 4/2023 - nay: Công ty Cổ phần Điện lực GELEX - Trưởng ban kiểm soát
- 6/2023 - nay: Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam - Trưởng ban kiểm soát
- 4/2023 - nay: Công ty CP Thiết bị điện - Trưởng ban kiểm soát

Ông NGUYỄN HOÀNG VIỆT

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học

Quá trình công tác:

- 09/2011 - 11/2014: Công ty TNHH KPMG Việt Nam - Trưởng nhóm kiểm toán
- 01/2015 - 05/2016: Công ty TNHH Công nghệ & Thiết bị máy CTC - Giám sát tài chính
- 06/2016 - 05/2021: Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco - Chuyên viên KTNB
- 05/2021 - nay: Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX - Trưởng nhóm KTNB
- 10/2021 - nay: Công ty Cổ phần Điện lực GELEX - Thành viên BKS
- 04/2022 - nay: Công ty TNHH MTV Dây đồng Việt Nam CFT - Trưởng BKS
- 01/2023 - nay: Công ty Cổ phần Sản xuất MBA Truyền tải MEE - Trưởng BKS

Bà BÙI THỊ TRANG

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học

Quá trình công tác:

- 9/2017 - 2/2021: Trưởng nhóm kiểm toán - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- 3/2021 - 3/2022: Thư ký HĐQT và Ban TGD - Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật
- 4/2022 - 8/2022: Quyền trưởng phòng tư vấn - Công ty TNHH Tư vấn Đông Dương
- 9/2022 - nay: Chuyên viên Kiểm toán nội bộ - Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
- 12/2022 - nay: TV Ban kiểm soát - Cổ phần Sản xuất MBA Truyền tải MEE
- 4/2023 - nay: TV Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Điện lực GELEX
- 5/2023 - nay: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty Cổ Phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN TRỌNG TRUNG

Xem Mục Danh sách thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Ông PHẠM TUẤN ANH

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Học viện Tài Chính

Quá trình công tác:

- Từ năm 2009 - 05/2022: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương.
- Từ tháng 09/2010 - 10/2011: Phó phòng TCKT Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.
- Từ tháng 11/2011 - 01/2012: Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.
- Từ tháng 02/2012 - 02/2016: Giám Đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.
- Từ tháng 03/2016 - 04/2018: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị điện
- Từ tháng 03/2016 - 03/2021: Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.
- Từ tháng 09/2016 - 03/2021: Người được ủy quyền Công bố thông tin Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.
- Từ tháng 10/2018 - 11/2021: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX.
- Từ tháng 01/2020 - 04/2021: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- Từ tháng 4/2022 - 9/2022: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội.
- Từ tháng 3/2022 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Dây đồng Việt Nam CFT.
- Từ tháng 1/2022 - nay: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận.
- Từ tháng 1/2022 - nay: Chủ tịch Công ty TNHH Phát điện GELEX.
- Từ tháng 12/2022 - 24/06/2023: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh.
- Từ tháng 12/2021 - nay: Người được ủy quyền Công bố thông tin Công ty Cổ phần Điện lực GELEX.
- Từ tháng 11/2021 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực GELEX.
- Từ 1/2/2024 đến nay: TGD công ty cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội

Bà NGUYỄN THỊ ANH

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kiểm toán

Quá trình công tác:

- Từ tháng 06/2011 - 04/2017: Kiểm toán viên/ Trưởng nhóm kiểm toán Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- Từ tháng 05/2017 - 07/2017: Trợ lý Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường An.
- Từ tháng 08/2017 - 3/2022: Trưởng Bộ phận Quản trị Tài chính/Phó Giám đốc Ban Kế toán/Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.
- Từ tháng 12/2019 - 4/2022: Trưởng BKS Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC.
- Từ tháng 01/2020 - 11/2021: Trưởng BKS Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX.
- Từ tháng 10/2020 - 10/2021: Trưởng BKS Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX.
- Từ tháng 04/2021 - 9/4/2022: Trưởng BKS Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội.
- Từ tháng 11/2021 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Điện lực GELEX.
- Từ tháng 4/2022 - nay: Thành viên BKS Công ty Cổ phần Thiết bị điện.
- Từ tháng 6/2023 - nay: Thành viên BKS Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam.
- Từ tháng 10/2023 - nay: Thành viên BKS Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp GEIC

Cổ phần và cơ cấu cổ đông

Cổ phần

Thông tin về cổ phần của GELEX Electric như sau:

- Vốn điều lệ: 3.000.000.000.000 VNĐ.
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 300.000.000 cổ phần.
- Khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 300.000.000 cổ phần.
- Khối lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.
- Mệnh giá 1 cổ phiếu: 10.000 VNĐ/cổ phần.

Các rủi ro

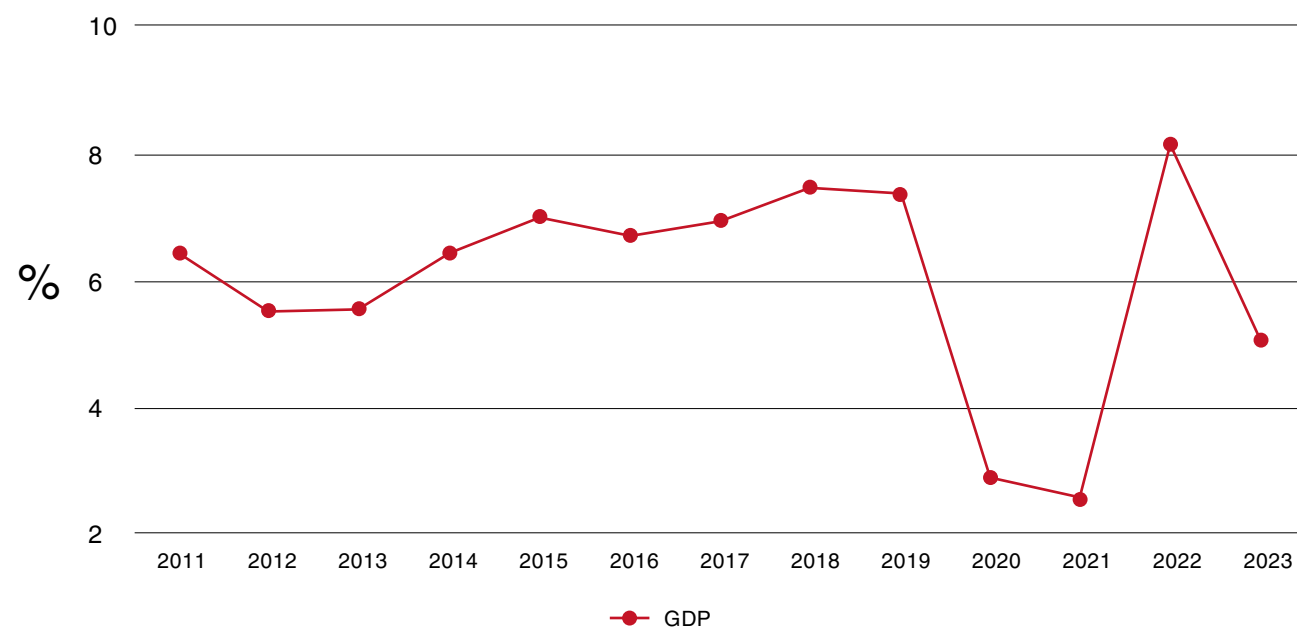
Rủi ro về kinh tế.

a. Tăng trưởng kinh tế.

Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam có tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có hoạt động kinh doanh của GELEX Electric.

Từ 2015-2019, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) của Việt Nam đều duy trì trong mức 6,5%-7%/năm và thuộc nhóm các nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất khu vực và thế giới. Tuy nhiên trong năm 2020 và 2021, Việt Nam đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng do đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng. Yêu cầu giãn cách xã hội triệt để nhằm phòng chống dịch bệnh lây lan đã khiến tăng trưởng GDP bị ảnh hưởng mạnh trong 2 năm này. Cụ thể, tăng trưởng chỉ đạt 2,91% cho năm 2020 và 2,58% cho năm 2021, mức thấp nhất trong giai đoạn 2011-2021.

Tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn từ năm 2011 đến 2023



Kinh tế Việt Nam trải qua giai đoạn phục hồi mạnh mẽ trong năm 2022 khi ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 10 năm gần đây nhờ việc dỡ bỏ hoàn toàn hạn chế đi lại và mức nền tảng tăng trưởng thấp trong năm 2021. Xu hướng này không kéo dài sang năm 2023 khi tăng trưởng kinh tế Việt Nam chỉ đạt mức 5,05% do khó khăn chung của thị trường bất động sản, tình hình kinh tế thế giới bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm từ việc tăng lãi suất mạnh ở các khu vực phát triển như Mỹ và châu Âu. Một số rủi ro đã và có khả năng tiếp tục gây ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam bao gồm:

(i) Sự suy giảm của kinh tế toàn cầu, đặc biệt là các nền kinh tế chủ chốt trên thế giới và cũng là các đối tác xuất khẩu lớn của Việt Nam như Mỹ, châu Âu và Trung Quốc có tác động mạnh mẽ tới giá trị xuất nhập khẩu và hoạt động sản xuất của nước ta. Theo số liệu thống kê 6 tháng đầu năm từ Tổng cục Thống kê, kim ngạch xuất và nhập khẩu của Việt Nam đều giảm so với cùng kỳ năm trước với tốc độ giảm lần lượt 12,1% và 18,2%. Tính đến hết tháng 6/2023, chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng – PMI ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global PMI duy trì dưới ngưỡng 50 điểm liên tiếp trong bốn tháng, cho thấy sức khỏe ngành sản xuất Việt Nam suy giảm. Số lượng đơn đặt hàng mới cũng duy trì xu hướng giảm trong tháng 6, thể hiện nhu cầu yếu và bảo hiệu hoạt động sản xuất sẽ vẫn gặp nhiều khó khăn trong nửa cuối 2023.

(ii) Các rủi ro địa chính trị, biến động kinh tế bao gồm: chiến tranh kéo dài giữa Nga và Ukraina, Mỹ và EU trừng phạt Nga; nguy cơ leo thang chiến tranh tại khu vực dải Gaza, nguy cơ xảy ra xung đột chính trị và quân sự tại một số khu vực đặc biệt ở châu Á như Đài Loan. Các rủi ro này có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến thương mại toàn cầu, gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu và thu hút FDI của Việt Nam; và

b. Lạm phát.

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có ảnh hưởng đến mọi chủ thể trong nền kinh tế. Lạm phát tăng cao sẽ kéo theo sự gia tăng của nguyên nhiên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất, quản lý, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của các doanh nghiệp.

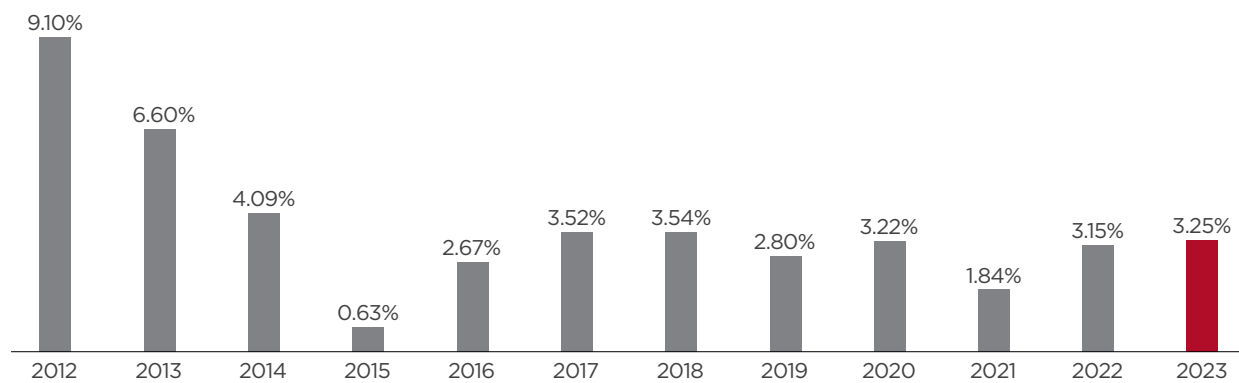
Điểm lại giai đoạn từ 2015 tới nay, tổng thể lạm phát của Việt Nam duy trì ổn định ở mức dưới 4%. Năm 2022, lạm phát chỉ tăng 3,15% so với cùng kỳ nhờ việc Chính phủ điều tiết thị trường, không tăng phí nhiều loại dịch vụ, đặc biệt là điện, học phí và dịch vụ y tế (chiếm tỷ trọng lần lượt là 33,6%, 5,4% và 6,2% trong rổ hàng hóa CPI). Tuy nhiên, áp lực lạm phát năm 2023 lớn do diễn biến giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu cùng nhiều biến động trên toàn cầu cùng với việc điều chỉnh khung bán lẻ điện để phù hợp với giá cả đầu vào tăng.

Chỉ số lạm phát có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Gelex Electric, đặc biệt là khi lạm phát tăng thì giá nguyên vật liệu, đặc biệt là giá kim loại đồng tăng cũng ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí hoạt động của Công ty.

Trong năm 2023, mặc dù tỉ lệ lạm phát toàn cầu tăng cao, Việt Nam đã áp dụng các chính sách đối phó rất hiệu quả thông qua cơ chế điều hành lãi suất giúp giữ vững tỷ lệ lạm phát cả năm bình quân ở mức 3,25% qua đó đạt mục tiêu của Quốc hội đặt ra.

Cổ phần và cơ cấu cổ đông

Lạm phát Việt Nam giai đoạn từ năm 2012 đến 2023



c. Lãi suất.

Kể cả đối với những doanh nghiệp có tài chính mạnh, cũng có những thời điểm cần huy động vốn vay để đảm bảo vận hành kinh doanh. Trong trường hợp xấu, chi phí lãi vay sẽ cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận. Để đối phó với rủi ro từ lãi suất, lãi suất được Ngân hàng Nhà nước nỗ lực duy trì ở mức ổn định.

Tương tự các doanh nghiệp khác, GELEX Electric cũng sử dụng nguồn vốn vay từ các ngân hàng thương mại để phục vụ hoạt động kinh doanh. Do vậy, biến động về mặt bằng lãi suất cũng là một rủi ro đối với doanh nghiệp. Sau quãng thời gian biến động mạnh cuối năm 2022, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã giảm dần và ổn định trở lại. Lãi suất huy động được kỳ vọng tiếp tục duy trì ở mức thấp trong năm 2023, tạo tiền đề cho việc hạ lãi suất cho vay từ nay cho tới cuối 2024.

Các hoạt động kinh doanh của GELEX Electric sử dụng nhiều nguồn nguyên liệu đầu vào nhập khẩu, do đó chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự biến động của tỷ giá, lạm phát cũng như lãi suất nếu những yếu tố này liên tục tăng cao. GELEX Electric luôn đánh giá, dự báo về diễn biến thay đổi của lãi suất trong ngắn hạn và dài hạn. Đồng thời GELEX Electric cũng làm việc với các tổ chức trong và ngoài nước để tìm kiếm những nguồn vốn vay phù hợp.

Rủi ro về pháp luật

Hoạt động của GELEX Electric chịu sự điều chỉnh trực tiếp bởi hệ thống các văn bản pháp luật của các Luật chuyên ngành như Luật điện lực, Luật đầu tư, Luật Xây dựng, các Nghị định và các Thông tư hướng dẫn liên quan. Để hạn chế rủi ro vi phạm, doanh nghiệp phải bám sát các chính sách và quy định của pháp luật về các lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, GELEX Electric là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, và là công ty đại chúng có cổ phiếu giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM (chịu sự quản lý của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cũng như Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội), Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật và chính sách quản lý của Nhà nước, Tuy nhiên, khi các quy định của pháp luật thay đổi cũng cần một khoảng thời gian nhất định để các Doanh nghiệp tiếp cận và điều chỉnh. Do vậy, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt quy định của pháp luật để kịp thời cập nhật các thay đổi của pháp luật, hạn chế rủi ro

Rủi ro đặc thù

Rủi ro về nguồn nguyên liệu

Các vật liệu chính cho sản xuất trong nhóm thiết bị điện của Gelex Electric như đồng, thép silic, dầu cách điện, vật liệu cách điện, v.v. phần lớn phải nhập khẩu do trong nước chưa sản xuất được. Vì vậy, các bất ổn của nền kinh tế thế giới, đặc biệt ở các nước sản xuất các nguyên vật liệu cung cấp cho Gelex Electric đều có khả năng làm tăng giá bán, giảm nguồn cung hoặc tăng thời gian giao hàng.

Để giảm thiểu các rủi ro nêu trên, cần tìm kiếm thêm các nhà cung cấp mới ở các thị trường khác nhau, đàm phán các hợp đồng khung để giữ giá và đảm bảo đủ lượng vật tư phục vụ sản xuất.

Rủi ro về nhân lực

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các thiết bị điện, phát điện và mua bán điện nói chung và dây cáp điện nói riêng, GELEX Electric luôn sử dụng một lượng lớn lao động để đáp ứng yêu cầu trong hoạt động vận hành và cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Nhằm giảm thiểu rủi ro thiếu hụt về nguồn nhân lực ở mức thấp nhất, GELEX Electric luôn nỗ lực tạo môi trường làm việc tốt, chế độ đãi ngộ cao cho CBNV, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ nhân viên, đưa ra các chính sách đào tạo và bồi dưỡng các cán bộ có năng lực, tạo cơ hội cho đội ngũ nhân sự trẻ để bổ sung cho các cấp quản lý

Rủi ro về tỷ giá

Một trong những rủi ro lớn nhất mà GELEX Electric phải đối mặt khi nhập khẩu nhiều nguyên vật liệu từ nước ngoài là biến động tỷ giá. Biến động tỷ giá có thể ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu, lợi nhuận kinh doanh và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Để giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá, GELEX Electric có những chiến lược và công cụ quản lý hiệu quả như: lựa chọn thị trường nhập khẩu phù hợp với đồng tiền sử dụng, sử dụng các sản phẩm tài chính bảo hiểm rủi ro tỷ giá (như hợp đồng tương lai, hợp đồng tùy chọn, hợp đồng trao đổi tiền tệ, v.v.), đa dạng hóa nguồn cung ứng và thị trường



CHƯƠNG

02

Báo cáo và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

- 30 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá của Ban TGD
- 32 Tình hình tổ chức và nhân sự
- 32 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án
- 36 Tình hình tài chính
- 40 Tình hình thay đổi vốn của chủ sở hữu
- 40 Giao dịch cổ phiếu quỹ
- 40 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 41 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 43 Giải trình của Ban Tổng Giám Đốc đối với ý kiến kiểm toán

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá của Ban TGD

Chỉ tiêu hợp nhất (tỷ đồng)	Năm 2022	Năm 2023		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tăng trưởng so với 2022
Doanh thu thuần	16.665	19.422	16.607	-0,3%
Lợi nhuận trước thuế	1.120	928	967	-13,7%

Năm 2023, GELEX Electric ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 16.607 tỷ đồng gần tương đương so với mức thực hiện năm 2022, đạt 85,5% so với kế hoạch đã đề ra. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 967 tỷ đồng, giảm 13,7% so với năm 2022, đạt 104,2% kế hoạch trong bối cảnh nền kinh tế vẫn đang gặp nhiều khó khăn, thách thức.

Đối diện với các biến động khó lường từ thị trường kinh doanh, GELEX Electric đã đưa ra nhiều giải pháp linh hoạt trong triển khai công tác mở rộng thị trường phù hợp với tình hình thực tế. Nhóm ngành hàng thiết bị điện trong toàn hệ thống GELEX Electric vẫn giữ vững thị phần đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục đối với các mặt hàng chủ lực như Dây cáp điện, Máy biến áp, Thiết bị đo đếm điện bao gồm công tơ điện tử và biến dòng biến áp.

Chi tiết kết quả sản xuất kinh doanh của nhóm ngành như bảng dưới đây:

Chỉ tiêu hợp nhất (tỷ đồng)	TH 2023		TH 2022	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
DOANH THU THUẦN	16.607.268	100%	16.664.673	100%
Nhóm sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	15.894.814	95,7%	15.881.005	95,3%
Nhóm sản xuất và kinh doanh năng lượng (điện)	712.454	4,3%	783.667	4,7%
LỢI NHUẬN GỘP	2.025.931	100%	2.113.991	100%
Nhóm sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	1.699.270	83,9%	1.761.607	83,3%
Nhóm sản xuất và kinh doanh năng lượng (điện)	326.661	16,1%	352.384	16,7%

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh chung của thị trường tuy nhiên Công ty vẫn duy trì được sự ổn định trong cơ cấu Doanh thu và Lợi nhuận gộp của các nhóm ngành trong năm 2023:

- Nhóm ngành sản xuất và kinh doanh thiết bị điện năm 2023 có sự gia tăng nhẹ về Doanh thu tuy nhiên biên lợi nhuận gộp có sự sụt giảm nhẹ do trong bối cảnh nền kinh tế còn khó khăn. Các CTTV đặt mục tiêu giữ vững thị phần, kiểm chế tồn kho, kiểm soát công nợ. Đồng thời, Các CTTV khối thiết bị điện tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, nâng cao lợi thế cạnh tranh.
- Nhóm ngành sản xuất và kinh doanh năng lượng (điện) do bị ảnh hưởng bởi các điều kiện thời tiết khách quan dẫn tới doanh thu sản xuất năng lượng (điện) bị sụt giảm 71 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022.

Tình hình tổ chức và nhân sự

Tại ngày 31/12/2023, hệ thống GELEX Electric có 2.116 CBNV (bao gồm lao động tại Công ty và hệ thống các CTTV) như sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ %
I. Phân theo giới tính	2116	100%
Nam	1775	83,88%
Nữ	341	16,12%

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ %
II. Phân loại theo trình độ	2116	100%
Nhân sự có trình độ trên đại học	28	1,32%
Nhân sự có trình độ đại học	735	34,74%
Nhân sự có trình độ cao đẳng, trung cấp	600	28,36%
Nhân sự có trình độ Công nhân kỹ thuật	572	27,03%
Nhân sự có trình độ phổ thông	181	8,55%

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ %
III. Phân loại theo loại hợp đồng lao động	2116	100%
Không xác định thời hạn	1827	86,34%
Xác định thời hạn 1-3 năm	267	12,62%
Hợp đồng thời vụ, ngắn hạn	22	1,04%

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ %
IV. Phân loại theo khối	2116	100%
Khối hỗ trợ	872	41,21%
Khối trực tiếp	1244	58,79%

Tình hình tổ chức và nhân sự

Các chính sách nhân sự của hệ thống GELEX Electric trong năm 2023

Chính sách đào tạo.

- Hàng năm, cán bộ, nhân viên GELEX Electric và các CTTV thường xuyên tham gia các lớp đào tạo, tập huấn do các chuyên gia về các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, công nghệ, tài chính, kinh doanh...trực tiếp giảng dạy.
- GELEX Electric và các CTTV thường xuyên tự đào tạo cán bộ, nhân viên của mình nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực cá nhân, nhằm hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- Các cán bộ nhân viên trong GELEX Electric và các CTTV thường xuyên tự học hỏi và trau dồi kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn thông qua internet, sách báo...

Chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi của GELEX Electric và các CTTV.

- GELEX Electric và các CTTV luôn có chính sách và chế độ đãi ngộ khuyến khích cho người lao động, thúc đẩy người lao động hăng hái làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty;
- Khen thưởng, động viên CBNV vào các ngày Lễ, Tết theo đúng quy định;
- Lương tháng tháng 13 được chi cho CBNV hàng năm từ tiền lương kết dư của năm;
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm, y tế, kinh phí công đoàn, công ty trích và đóng theo quy định;
- Chế độ ốm, đau, thai sản, hiếu, hỷ...được thực hiện theo quy chế của công ty và thỏa ước lao động tập thể.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án

Các khoản đầu tư lớn

a. Đầu tư tài chính tại Công ty mẹ.

- Trong năm 2023, Công ty gia tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con thuộc lĩnh vực cốt lõi là sản xuất kinh doanh thiết bị điện, cụ thể như sau:

- Tiếp tục nâng tỷ lệ sở hữu từ 96,35% lên 96,46% tại Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam.
- Tiếp tục nâng tỷ lệ sở hữu từ 90,71% lên 98,07% tại Công ty Cổ phần Thiết bị Điện.
- Nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE từ 51% lên 66,79%.

- Tiếp tục góp vốn vào Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX để triển khai các dự án phân phối điện trong các khu công nghiệp theo kế hoạch để tăng vốn điều lệ, duy trì tỷ lệ sở hữu 51%.

- Theo định hướng tái cấu trúc lại mảng phát điện được Hội Đồng Quản Trị (“HĐQT”) và Tổng Giám Đốc (“TGD”) báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty và các Nghị quyết HĐQT được ban hành trong năm về việc cơ cấu lại danh mục các dự án điện đang vận hành thuộc sở hữu của Công ty, đến ngày 31/12/2023, Công ty đã hoàn tất thoái 90% phần vốn góp tại Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị, giảm tỷ lệ sở hữu từ 100% xuống còn 10% và không còn là công ty con của GELEX Electric. Việc tái cấu trúc sở hữu vốn này tiếp tục được thực hiện và dự kiến hoàn tất trong giai đoạn nửa đầu năm 2024.

b. Đầu tư tài chính tại Các CTTV

- Trong năm 2023, Công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Thiết bị Điện đã hoàn tất việc mua thêm 6.879.996 cổ phiếu TBD của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – CTCP, nâng tỷ lệ sở hữu từ 24,95% lên 46,17%.

c. Đầu tư xây dựng tại Các CTTV

- Đối với nhóm ngành sản xuất thiết bị điện: Các CTTV tiếp tục tập trung đầu tư nâng cấp, cải tiến thiết bị và dây chuyền sản xuất, tổng vốn đầu tư xây dựng đã chi trả trong năm là 240 tỷ đồng. Trong đó có thể kể tới việc hoàn thành cơ bản dự án CCV line nâng cao năng lực sản xuất cấp trung thế ngầm của Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam (CADIVI) và dự kiến vận hành trong năm 2024; mua sắm, lắp đặt Máy quấn dây TUBOLY tập trung nâng cao năng lực sản xuất tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI); ngoài ra còn các dự án cải tạo, sửa chữa nhà xưởng nâng cao năng lực sản xuất tại các CTTV khác trong hệ thống.

- Đối với nhóm ngành sản xuất và kinh doanh năng lượng (điện), trong năm 2023, Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX đã đưa vào vận hành các dự án phân phối điện tại các KCN Tiền Hải (tỉnh Thái Bình) và KCN Phong Điền (tỉnh Thừa Thiên Huế). Các dự án phân phối điện khác tại KCN Thuận Thành I (Bắc Ninh), KCN Yên Mỹ (Hưng Yên) hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng.



Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án

Các công ty con, công ty liên kết

Tại ngày 31/12/2023, GELEX Electric có 08 công ty con trực tiếp (sau khi thoái vốn Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị) và 02 công ty liên kết sở hữu gián tiếp qua các công ty con.

Tình hình hoạt động các công ty con trong năm 2023 cụ thể như sau:

Tên Công ty	Hoạt động kinh doanh chính	KQKD 2023 (triệu đồng)		Tổng TS tại 31/12/2023 (triệu đồng)
		DTT	LNTT	
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (*)	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện	10.083.885	528.898	3.882.230
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện	1.396.252	21.653	2.188.886
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Sản xuất dây đồng và dây tráng thiếc	6.358.654	107.503	1.324.185
Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC	Sản xuất và kinh doanh thiết bị đo điện	1.178.767	166.054	584.174
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (*)	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện	405.963	44.408	772.160
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE (trước đây là Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh)	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp	211.710	(50.818)	409.467
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX(*)	Truyền tải và phân phối điện	2.254	(6.782)	53.051
Công ty TNHH Phát điện GELEX ("Phát điện GELEX")(*)	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện	459.436	106.080	2.284.738

(*) Số liệu được trình bày theo Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc năm tài chính 31/12/2023.

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính và các chỉ tiêu chủ yếu

Chỉ tiêu	Đvt	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		Năm 2023	Năm 2022	% 2023/2022	Năm 2023	Năm 2022	% 2023/2022
I. Tình hình tài chính							
Tổng giá trị tài sản	triệu đồng	7.310.268	7.613.908	-4,0%	13.722.932	17.419.623	-21,2%
Doanh thu thuần	triệu đồng	2.312.065	2.586.834	-10,6%	16.607.269	16.664.673	-0,3%
Lợi nhuận từ HĐKD	triệu đồng	1.254.090	912.547	37,4%	949.716	1.088.664	-12,8%
Lợi nhuận khác	triệu đồng	- 35	0		17.374	31.691	-45,2%
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	1.254.055	912.547	37,4%	967.090	1.120.354	-13,7%
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	1.254.055	912.547	37,4%	792.670	971.605	-18,4%
Cổ tức chi trả	% VDL	20%	26,00%				
II. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu							
1. Khả năng thanh toán							
• Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	lần	3,1	2,3	32,9%	1,8	1,5	15,7%
• Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	0,6	0,5	23,8%	1,0	1,3	-19,3%
2. Cơ cấu vốn							
• Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	lần	0,3	0,4	-18,2%	0,6	0,7	-13,6%
• Nợ phải trả/ VCSH	lần	0,5	0,8	-39,2%	2,6	1,9	36,2%
3. Năng lực hoạt động							
• Vòng quay hàng tồn kho	vòng				3,9	3,0	30,4%
• Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	vòng	0,3	0,3	3,3%	1,1	1,0	10,6%
• Tỷ suất sinh lời trước thuế/Doanh thu	%	0,5	0,4	53,7%	0,1	0,1	-13,4%
• Tỷ suất sinh lời/Tổng tài sản (ROA)	%	0,2	0,1	48,7%	0,1	0,1	-9,5%
• Tỷ suất sinh lời/VCSH (ROE)	%	0,3	0,2	25,9%	0,1	0,2	-18,2%
• Tỷ suất sinh lời sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,5	0,4	53,7%	0,0	0,1	-18,1%
• Tỷ suất LN hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	0,5	0,4	53,7%	0,1	0,1	-12,5%

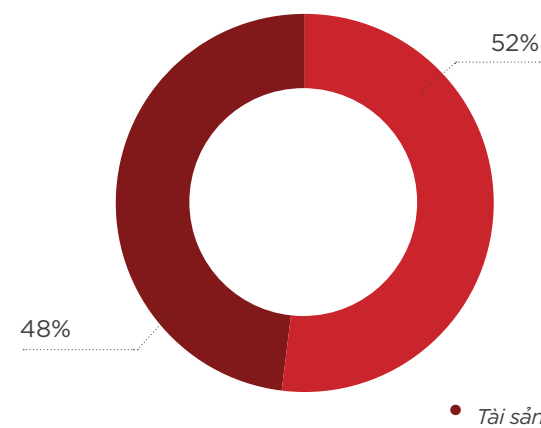
Tình hình tài chính

Đánh giá của Ban TGD về tình hình tài sản và tình hình nợ phải trả

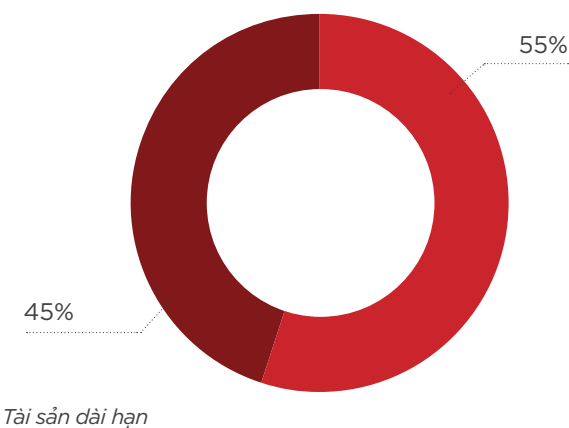
Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	31/12/2023 (triệu đồng)	31/12/2022 (triệu đồng)	Tăng/giảm (%)	Tỷ trọng năm 2023	Tỷ trọng năm 2022
Tài sản ngắn hạn	6.563.192	7.767.527	-15,50%	48%	45%
Tài sản dài hạn	7.159.740	9.652.096	-25,82%	52%	55%
Tổng tài sản	13.722.932	17.419.623	-21,22%	100%	100%

Cơ cấu tài sản 2023



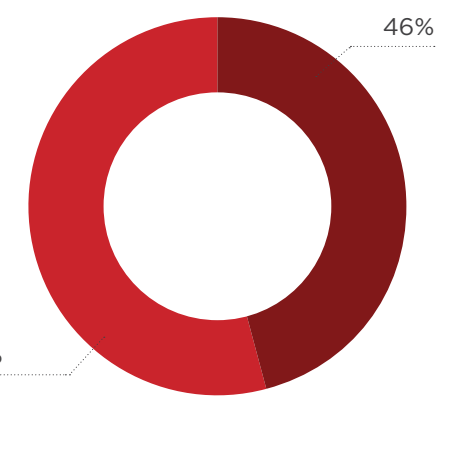
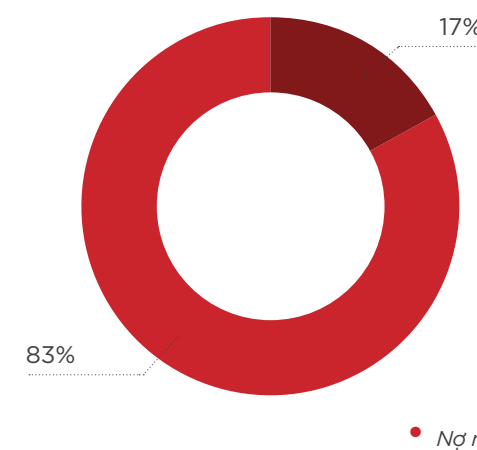
Cơ cấu tài sản 2022



Tổng tài sản hợp nhất thời điểm 31/12/2023 đạt 13.722.932 triệu đồng, giảm 21,2% so với tổng tài sản thời điểm cuối năm 2022. Trong đó, cả tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn đều có xu hướng giảm so với năm 2022 tỷ trọng tài sản ngắn hạn là 48%, tỷ trọng tài sản dài hạn là 52%. Trong năm, tài sản ngắn hạn giảm 15,5% chủ yếu đến từ việc giảm mạnh hàng tồn kho và phải thu khách hàng do Các CTTV đẩy mạnh hoạt động bán hàng, thực hiện dự báo và dự trữ lượng hàng tồn kho phù hợp, tính gọn quy trình đáp ứng đúng nhu cầu sản xuất thực tế, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh công tác thu nợ và điều chỉnh chính sách bán hàng trả chậm.. Tài sản dài hạn của Nhóm Công ty giảm 25,8% chủ yếu do giảm 3.222.164 triệu đồng tài sản cố định nguyên nhân chủ yếu là do giảm 3.175.795 triệu đồng tài sản cố định do thoái vốn tại Công ty con là GELEX Quảng Trị.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2023 (triệu đồng)	31/12/2022 (triệu đồng)	Tăng/giảm (%)	Tỷ trọng năm 2023	Tỷ trọng năm 2022
Nợ ngắn hạn	6.458.681	6.165.115	4,76%	83%	54%
Nợ dài hạn	1.312.372	5.251.065	-75,01%	17%	46%
Tổng nợ phải trả	7.771.053	11.416.180	-31,93%	100%	100%



Tại thời điểm cuối năm 2023, tổng nợ phải trả hợp nhất giảm mạnh 3.645 tỷ đồng tương đương mức giảm 31,93%, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 83% trên tổng nợ phải trả và tăng nhẹ 4,76% so với đầu năm do tăng nợ dài hạn đến hạn trả. Nợ dài hạn chiếm 17% và giảm mạnh 75,02%. Do Các CTTV chủ động hạ tỷ trọng các khoản nợ dài hạn thông qua việc trả 1.512 tỷ đồng vay ngân hàng, mua lại trước hạn 240 tỷ trái phiếu, đồng thời giá trị dư nợ vay dài hạn giảm 1.775 tỷ do thoái vốn tại Công ty con GELEX Quảng Trị. Việc tắt toán các khoản nợ vay dài hạn, mua lại trước hạn trái phiếu đã phát hành và thoái vốn tại Công ty con đã giúp Công ty giảm rủi ro, áp lực từ các biến động tài chính, giúp cân đối cơ cấu vốn toàn Công ty.

Tình hình thay đổi vốn của chủ sở hữu

Trong năm 2023, GELEX Electric không thay đổi vốn điều lệ

Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu
- Giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: không có

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Với mô hình công ty holdings – giữ vai trò kiểm soát các hoạt động của các CTTV, GELEX Electric hoạt động theo cơ cấu tổ chức quản lý đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua, đồng thời duy trì tổ chức hoạt động của 04 Ban chuyên môn: Ban Kinh doanh, Ban Kế hoạch - kỹ thuật, Ban Tài chính kế toán, Ban Tổng hợp giúp việc Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và hỗ trợ trực tiếp CTTV trong các lĩnh vực chính:

- Kinh doanh:** Hỗ trợ CTTV trong các hoạt động kinh doanh;
- Pháp lý:** Hỗ trợ CTTV trong công tác tuân thủ quy định của pháp luật theo yêu cầu, quy chế/quy định nội bộ của công ty và của toàn hệ thống GELEX;
- Tài chính - kế toán:** giám sát, đánh giá hoạt động tài chính; hỗ trợ, hướng dẫn chính sách chế độ mới về tài chính kế toán cho các CTTV.
- Kế hoạch kỹ thuật:** Hỗ trợ CTTV trong công tác vận hành, phát triển hệ thống công nghệ thông tin và các giải pháp quản trị vận hành của CTTV.

Về mặt chính sách quản lý: Trong năm 2023, Công ty tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật và hoàn thiện văn bản quản trị, quy trình, quy chế của Công ty. Đồng thời, hỗ trợ rà soát, cho ý kiến đối với các văn bản quản trị, các quy trình, quy chế của các CTTV.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty đặt ra kế hoạch năm 2024 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2023	KH 2024	% KH 2024 / TH 2023
Doanh thu thuần hợp nhất	Triệu đồng	16.607.269	18.381.210	10,7%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu đồng	967.090	1.158.000	19,7%

Để đạt được kế hoạch đề ra, Ban TGD định hướng hành động:

Về công tác kinh doanh

- Thúc đẩy hoạt động bán hàng của các CTTV thông qua kênh đại lý và nhà phân phối, tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng, Marketing đồng thời tiếp tục thực hiện các công tác bán chéo, tận dụng thế mạnh đa dạng ngành nghề của hệ thống như kinh doanh mua bán điện tại các khu công nghiệp...
- Đối với các sản phẩm truyền thống của Các CTTV: tiếp tục đẩy mạnh phát triển thị phần trong ngành sản xuất thiết bị điện bao gồm dây cáp điện, máy biến áp, thiết bị đo điện...
- Thực hiện phát triển các sản phẩm mới cho ra thị trường thông qua các CTTV như thiết bị truyền tin báo cháy, camera, bản mạch...
- Tiếp tục đẩy mạnh việc mở rộng thị trường xuất khẩu. Các thị trường xuất khẩu tiềm năng mở rộng có thể kể đến như Máy biến áp THIBIDI tại thị trường Lào, Phillipines, Myanmar...; Máy biến áp 110kV - 220kV tại thị trường Lào, Campuchia; Các sản phẩm CADIVI tại thị trường Úc, Mỹ, Phillipines; Thiết bị đo điện EMIC tại các quốc gia khu vực Đông Nam Á, Hàn Quốc. Nghiên cứu và triển khai hoạt động xúc tiến thương mại tại thị trường Mỹ và Châu Âu ...
- Tối ưu hóa và tinh gọn các khâu bán hàng, quy trình trung gian để đẩy mạnh cung ứng hàng hóa, dịch vụ tới người tiêu dùng nâng cao dịch vụ sau bán hàng, bảo hành...



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Về công tác phát triển sản phẩm

- Thực hiện nghiên cứu phát triển, cải tiến sản phẩm, kiểm soát thiết bị - công nghệ sản xuất phục vụ tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của các CTTV, nắm bắt nhanh xu hướng công nghệ, vật liệu, sản phẩm từ các nhà sản xuất lớn và thông tin về sản phẩm tương lai để thực hiện các chương trình cải tiến.
- Tiếp tục hoàn thành phát triển sản phẩm mới theo xu hướng thị trường: đối với EMIC biến dòng, biến áp trung thế công suất thấp (LVCT, LVPT) thay thế các biến dòng biến áp trung thế kiểu cảm ứng truyền thống và ứng dụng tủ RMU và MVSG bảo vệ; biến dòng biến áp trung thế khô trong nhà có thiết kế nhỏ gọn thay thế sản phẩm nhập khẩu; chuyển đổi hợp bộ đo đếm trung thế điện tử.
- Tìm kiếm cơ hội chuyển giao công nghệ từ các đối tác hàng đầu trong ngành trên thế giới lựa chọn các sản phẩm đem lại hiệu quả cao trong chuỗi giá trị ngành điện.
- Thực hiện hoạt động nghiên cứu kỹ thuật để giảm chi phí vật tư trên một đơn vị sản phẩm, tăng hàm lượng công nghệ trong mỗi sản phẩm: với THIBIDI áp dụng công nghệ tole 15 lá / group cho dòng máy Amorphous, dự kiến hoàn thành cải tiến 2 dòng sản phẩm máy biến áp Sillic với 14 chủng loại công suất và Amorphous với 10 chủng loại công suất; tối ưu bố trí nhân sự trong dây chuyền sản xuất nhằm đạt hiệu quả tối ưu.



Về công tác quản trị

- Tăng cường phối hợp với Tập đoàn GELEX trong việc kiểm soát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tại các CTTV, kịp thời nhận diện và hỗ trợ giải pháp đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.
- Tăng cường công tác quản lý, quản trị chung toàn hệ thống, tăng cường quản trị rủi ro, ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại các CTTV.
- Phối hợp và hỗ trợ các CTTV trong việc đàm phán với các đối tác lớn, đề xuất các chiến lược giá bán phù hợp, đánh giá đối thủ cạnh tranh và xây dựng các kịch bản kinh doanh và các mô hình nâng cao năng lực sản xuất.
- Xây dựng hệ sinh thái thiết bị điện với GELEX Electric là đầu mối, giúp chia sẻ thông tin, sản phẩm và cơ hội kinh doanh. Nâng cao năng lực cạnh tranh trong toàn Hệ thống GELEX Electric.
- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin ERP đồng bộ giữa công ty mẹ với các CTTV, ứng dụng để đưa ra các quyết định quản trị tức thời, chính xác.
- Đẩy mạnh văn hóa doanh nghiệp và thương hiệu hệ thống dựa trên lợi ích chung và tôn trọng văn hóa, đặc thù của các CTTV.

Về công tác tài chính

- Hoàn tất chuyển nhượng cổ phần/vốn góp tại các công ty dự án thuộc sở hữu của Công ty và các CTTV nhằm nâng cao chỉ số tài chính, đảm bảo tài chính lành mạnh cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục xây dựng phương án/ thực hiện cấu trúc lại sở hữu vốn tại một số doanh nghiệp phù hợp với định hướng phát triển và tình hình thực tế.
- Thực hiện phương án tăng vốn từ ESOP và phát hành cổ phiếu ra công chúng, đảm bảo cấu trúc vốn lành mạnh, sử dụng nguồn vốn hiệu quả, hợp pháp đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Triển khai các phương án tài chính, kinh doanh phù hợp với chiến lược của Công ty, song song với việc tối ưu hóa nguồn tiền nhàn rỗi thông qua các công cụ tài chính linh hoạt, hợp pháp, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

Giải trình của Ban Tổng Giám Đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ý kiến kiểm toán với Báo cáo tài chính năm 2023 của GELEX Electric là ý kiến chấp thuận toàn phần.



CHƯƠNG

03

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

- 46 Đánh giá ngắn về tình hình hoạt động của GELEX Electric trong năm 2023
- 46 Hoạt động của HĐQT năm 2023
- 49 Hoạt động giám sát của HĐQT
- 50 Định hướng phát triển và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2024
- 51 Công tác tổ chức hoạt động của HĐQT

Đánh giá ngắn về tình hình hoạt động của GELEX Electric trong năm 2023.

Năm 2023 diễn ra trong bối cảnh kinh tế vĩ mô Việt Nam khởi đầu với nhiều khó khăn trong nước và cả các yếu tố khách quan (quốc tế) không thuận lợi. Giá trị tăng thêm của nhiều ngành kinh tế trong năm 2023 đều tăng trưởng thấp hơn trong 2022. Đặc biệt khai khoáng, bất động sản, công nghiệp chế biến chế tạo. Khu vực sản xuất công nghiệp - một trong những trụ cột lớn của nền kinh tế (đóng góp gần 24% GDP) - đã gặp nhiều khó khăn trong 2023, nguyên nhân do cầu thị trường trong nước và các thị trường xuất khẩu suy giảm.

Đối mặt với các thách thức như vậy, năm 2023, Công ty định hướng tiếp tục tập trung trọng tâm vào sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác quản trị rủi ro, tinh gọn bộ máy, tiết giảm chi phí và tối ưu hóa nguồn lực tại các Công ty thành viên. Kết quả, năm 2023, Công ty đạt 16.607 tỷ đồng doanh thu thuần hợp nhất, giảm 0,3% so với 2022, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 967 tỷ đồng, giảm 13,7% so với 2022, hoàn thành lần lượt 85,5% và 104% so với kế hoạch Đại hội phê duyệt.

Hoạt động của HĐQT năm 2023

Tổng kết hoạt động của HĐQT và thành viên HĐQT

HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 với 5 thành viên, trong đó, từng thành viên HĐQT được giao các nhiệm vụ cụ thể trong từng lĩnh vực. HĐQT đã triển khai và thực hiện các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT một cách tuân thủ, phù hợp, và hiệu quả. Các thành viên bám sát nhiệm vụ cụ thể, thường xuyên trao đổi và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự điều hành, Người đại diện vốn trong lĩnh vực được giao phụ trách.

Trên nguyên tắc hướng đến hiệu quả, áp dụng linh hoạt các cách thức thực hành quản trị, từng thành viên HĐQT và toàn thể HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ một cách đầy đủ, kịp thời qua những hoạt động chính như sau:

Định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, HĐQT Công ty đã chủ động định hướng/hỗ trợ hoạt động của Ban điều hành và Người đại diện phần vốn của Công ty tại các CTTV, cụ thể như sau:

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền, các cuộc họp chuyên đề về sản xuất kinh doanh với Ban TGD và các nhân sự điều hành Công ty, người đại diện vốn tại các CTTV để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, theo sát các diễn biến thị trường, kinh tế - chính trị - xã hội, từ đó các quyết sách linh hoạt, kịp thời trong điều hành hoạt động SXKD Công ty và các CTTV.

- Phân công/giao nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên HĐQT hỗ trợ kịp thời người đại diện tại các CTTV trong các quyết định SXKD.

- Tình hình vĩ mô năm 2023 vẫn còn nhiều bất lợi, HĐQT Công ty đã chủ trương chỉ đạo người đại diện vốn kiểm soát tối ưu chi phí, giảm phải thu, giảm tồn kho, bám sát sự vận động/nắm bắt các cơ hội thị trường nhằm giữ vững thị phần, thị trường của doanh nghiệp.

Công tác đầu tư/tái cấu trúc sở hữu vốn.

Năm 2023, trong công tác đầu tư, tái cấu trúc sở hữu vốn, HĐQT đã triển khai các công việc cụ thể như sau:

- Cho ý kiến chủ trương tăng vốn tại Công ty CP Mua bán điện GELEX, chủ trương Công ty Cổ phần Thiết bị điện (“THIBIDI”) tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP.

- Phê duyệt tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại THIBIDI và chấp thuận chủ trương THIBIDI thực hiện thủ tục hủy tư cách công ty đại chúng, hủy bỏ niêm yết.

- Thông qua phương án chuyển nhượng cổ phần/vốn góp tại các công ty dự án thuộc sở hữu của Công ty và các công ty thành viên của Công ty. Năm 2023, ĐHĐCĐ thường niên Công ty đã thông qua việc đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty trên hệ thống giao dịch chứng khoán khi đủ điều kiện. Năm 2023, Công ty đã triển khai từng bước các công việc cần thiết để chuẩn bị đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty trên hệ thống giao dịch chứng khoán khi đủ điều kiện.

2.1.3. Công tác tài chính.

- Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2023, HĐQT đã quyết định thực hiện tạm ứng/chi trả cổ tức năm 2022 và tạm ứng cổ tức năm 2023 với tổng số tiền 600 tỷ đồng, cụ thể như sau:

Thời gian thanh toán	Tỷ lệ	Nội dung
28/04/2023	5%Vốn điều lệ (“VĐL”)	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2022
10/08/2023	5%VĐL	Chi trả cổ tức đợt 3 năm 2022
04/10/2023	10%VĐL	Tạm ứng cổ tức năm 2023 đợt 1 bằng tiền

- Thông qua việc nhận cấp hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Phê duyệt lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán/soát xét các Báo cáo tài chính năm 2023 trên cơ sở danh sách đơn vị kiểm toán độc lập đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Hoạt động của HĐQT năm 2023

Phê duyệt giao dịch có liên quan.

Năm 2023, ĐHĐCĐ và HĐQT đã phê chuẩn việc ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan. Các bên trong giao dịch/hợp đồng chủ yếu là các công ty thành viên trong hệ thống Tập đoàn GELEX với các giao dịch nhằm hỗ trợ về vốn, hoạt động mua bán vật tư tập trung, các giao dịch bảo đảm, và các giao dịch khác. Việc phê duyệt các giao dịch được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công ty.

Danh mục chi tiết các giao dịch giữa Công ty và người có liên quan được thể hiện tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023 đã được công bố thông tin và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <https://gelex-electric.com/quan-he-co-dong>.

Tổ chức quản trị, công tác nhân sự.

- Chỉ đạo định kỳ rà soát, điều chỉnh, cập nhật các văn bản quản trị Công ty như Hệ thống phân quyền của HĐQT, quy chế Người đại diện, quy chế quản lý tài chính; cho ý kiến với người đại diện tại CTTV về việc rà soát, điều chỉnh Điều lệ, Quy chế nội bộ tại CTTV theo Quy chế đại diện vốn.
- Phê duyệt đầu tư và triển khai hệ thống tích hợp báo cáo quản trị SAC-BI để tối ưu hóa dữ liệu ERP trong hệ thống.
- Ban hành quyết định chấm dứt, cử, và thay thế đại diện phần vốn của Công ty tham gia HĐQT, HĐQT, Chủ tịch Công ty, giới thiệu nhân sự tham gia Ban Kiểm soát, cho ý kiến về các vị trí quản lý/điều hành khác tại CTTV.



Hoạt động giám sát của HĐQT



Giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và những người điều hành khác của Công ty

Với vai trò là một cơ quan quản lý của Công ty, HĐQT Công ty chủ động hỗ trợ và chỉ đạo sâu sát Ban Tổng giám đốc triển khai nhiệm vụ, đồng thời với hoạt động giám sát theo qui định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định pháp luật hiện hành. Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty, cụ thể:

- Giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành; Giám sát hoạt động điều hành của Tổng giám đốc và những người điều hành khác thông qua các cuộc họp định kỳ hoặc chuyên đề đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh;
- Phối hợp với Ban kiểm soát Công ty kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát tham gia họp các cuộc họp HĐQT, cùng trao đổi các vấn đề của Công ty.
- Yêu cầu Ban Tổng Giám đốc và những người điều hành khác, Người đại diện phần vốn của Công ty tại các CTTV báo cáo về tình hình SXKD, giải trình các nội dung HĐQT yêu cầu và các giải pháp, đề xuất để đưa ra chỉ đạo/định hướng kịp thời.
- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2023

Đánh giá hoạt động của TGD và những người điều hành khác của Công ty

Kết quả đánh giá năm 2023, trong công tác điều hành hoạt động SXKD, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và những người điều hành Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh và công tác quản lý nội bộ, bám sát các mục tiêu chiến lược, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị mặc dù năm 2023 tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam.

Định hướng phát triển và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2024

Định hướng phát triển các lĩnh vực kinh doanh

HĐQT Công ty xác định định hướng phát triển chung như sau:

- Duy trì và đầu tư phát triển các thương hiệu dây cáp, thiết bị điện uy tín, đã có bề dày lịch sử, có tiềm năng tăng trưởng.
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống kết hợp với tăng cường nghiên cứu & phát triển/ hợp tác nghiên cứu và phát triển, kinh doanh các sản phẩm mới với hàm lượng công nghệ cao.
- Tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh điện trong các khu công nghiệp.

Chiến lược hoạt động của Công ty năm 2024

Với vai trò là công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty holdings, là đầu mối định hướng, hỗ trợ các đơn vị trong hệ thống GELEX Electric về hoạt động SXKD, nghiên cứu và phát triển. Công ty triển khai các chiến lược chính trong năm 2023 như sau:

- Phối hợp cùng Tập đoàn GELEX trong hoạt động định hướng, hỗ trợ, giám sát, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư tại Công ty và các CTTV nhằm mục tiêu hoàn thành cao nhất KHKD được phê duyệt.
- Tập trung vào công tác quản lý, quản trị chung toàn hệ thống, tăng cường quản trị rủi ro, ứng dụng công nghệ vào quản trị nhằm tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD tại các CTTV.
- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, mục tiêu gia tăng các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao.
- Chuẩn bị các nguồn lực về vốn, về con người cho các mục tiêu chiến lược.
- Nghiên cứu phương án/ thực hiện cấu trúc lại sở hữu vốn tại một số doanh nghiệp phù hợp với định hướng phát triển và tình hình thực tế.
- Xúc tiến, khởi tạo các cơ hội kinh doanh mới: mở rộng thị trường trong nước, tìm kiếm thị trường xuất khẩu, khai thác cơ hội kinh doanh thông qua M&A, ...

Công tác tổ chức hoạt động của HĐQT

HĐQT xác định nhiệm vụ thực hiện trong thời gian tới bao gồm:

- Duy trì quản trị Công ty trên các tiêu chí: Hiệu quả - Minh bạch - Kiểm soát rủi ro - Hướng tới chuẩn mực quốc tế.
- Đảm bảo tính độc lập giữa công tác quản trị và điều hành, bổ sung và nâng cao vai trò phản biện của thành viên độc lập HĐQT. Củng cố, nâng cao năng lực quản trị, phát huy tối đa kỹ năng, kinh nghiệm, chuyên môn của thành viên HĐQT trong công tác quản lý/quản trị Công ty.
- Định hướng Tổng Giám đốc tiếp tục triển khai các phương án tài chính, kinh doanh phù hợp với chiến lược của Công ty, song song với việc tối ưu hóa nguồn tiền nhàn rỗi thông qua các công cụ tài chính linh hoạt, hợp pháp, bảo toàn và phát triển vốn.
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, xây dựng văn hóa doanh nghiệp đồng bộ, thống nhất và xuyên suốt.
- Tiếp tục thực hiện các chức năng, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ và các quy chế/quy định nội bộ của Công ty.





CHƯƠNG

04

Quản trị Công ty

- 54 Các hoạt động của Hội đồng quản trị
- 55 Ban kiểm soát
- 56 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Các hoạt động của Hội đồng quản trị

Thông tin về các thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT (TVHĐQT không điều hành)	02/01/2020	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	TVHĐQT không điều hành	02/01/2020	19/04/2023
Ông Đặng Phan Tường	TVHĐQT không điều hành	09/09/2021	
Ông Đỗ Duy Hưng	TVHĐQT không điều hành	09/09/2021	
Ông Nguyễn Trọng Trung	TVHĐQT kiêm Tổng Giám đốc	15/04/2022	
Ông Lê Bá Thọ	TVHĐQT không điều hành	19/04/2023	

Các cuộc họp HĐQT

HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền, các cuộc họp chuyên đề về sản xuất kinh doanh với Ban điều hành Công ty, người đại diện vốn tại các CTTV để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, theo sát các diễn biến thị trường, kinh tế - chính trị - xã hội, từ đó các quyết sách kịp thời, linh hoạt, chỉ đạo Ban điều hành/người đại diện vốn trong điều hành hoạt động SXKD Công ty và các CTTV. HĐQT cũng thực hiện các lần ý kiến bằng văn bản nhằm thông qua kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty, và các quy định của pháp luật có liên quan.

Năm 2023, HĐQT đã tiến hành 15 phiên họp trực tiếp, đã tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, theo đó, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành hợp pháp, hợp lệ, đúng thẩm quyền được qui định tại Điều lệ, các quy chế/quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật liên quan, đảm bảo công khai, minh bạch trong quản trị và điều hành.

Danh mục chi tiết các cuộc họp, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được nêu thể hiện tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2023 đã được công bố thông tin và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <https://gelex-electric.com/quan-he-co-dong>.

Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát

• Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động đã được ĐHĐCĐ thông qua, các quy định pháp luật điều chỉnh liên quan trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và tình hình hoạt động thực tế. Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2023 như sau:

• Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết/Quyết định của HĐQT, giám sát việc chấp hành pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế, quy trình của Công ty;

• Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo quản trị định kỳ, BCTC năm 2023, BCTC các quý, BCTC bán niên năm 2023, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;

• Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;

• Thực hiện trao đổi với kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ về kết quả kiểm toán và các vấn đề cần quan tâm trong hệ thống kiểm soát nội bộ;

• Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý, điều hành chung trong năm 2023;

Đưa ra kiến nghị với HĐQT/Ban TGD về quản trị, điều hành của Công ty;

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác

• Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác trong hoạt động kiểm tra, giám sát nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

• Ban Kiểm soát được mời tham dự họp và được cung cấp đầy đủ các tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của Ban Kiểm soát.

• Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp từ các Ban, Phòng, nhân sự của Công ty và các đơn vị liên quan như cung cấp các báo cáo, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát, cử nhân sự làm việc với Ban Kiểm soát khi cần thiết.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thù lao, thu nhập và các lợi ích khác của HĐQT, Ban kiểm soát, ban giám đốc được nêu chi tiết trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 đã được công bố thông tin và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <https://gelex-electric.com/quan-he-co-dong>.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Năm 2023, công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu của người nội bộ.

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Chi tiết theo

phụ lục 01: giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Phụ lục 02: giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

GELEX Electric tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị công ty, bao gồm các quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Một số quy định về quản trị Công ty đã được đầy đủ có thể kể đến như sau:

- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 trong vòng 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính;
- Đáp ứng đầy đủ số lượng thành viên HĐQT không điều hành;
- Thành viên HĐQT chỉ đồng thời là thành viên HĐQT tối đa tại 05 công ty khác;
- Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc;
- Công ty có Ban Kiểm Soát hoạt động đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020;
- Ban hành quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo đúng quy định;
- Các giao dịch với bên có liên quan được thông qua đúng cấp thẩm quyền và công bố thông tin đầy đủ, phản ánh các giao dịch này tại Báo cáo tài chính và Báo cáo tình hình quản trị Công ty.





CHƯƠNG

05

Báo cáo phát triển
bền vững

60

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Tác động lên môi trường

Biến đổi khí hậu là một vấn đề lớn và cấp thiết đối với sự phát triển bền vững của toàn cầu ảnh hưởng tới mọi thành phần của nền kinh tế. Là một công ty hoạt động chính trong ngành sản xuất thiết bị điện, toàn bộ ban lãnh đạo và nhân viên GELEX Electric và CTTV nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, đặc biệt là giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng các nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, năng lượng tái tạo là nhiệm vụ trọng yếu.

Sản phẩm thiết bị điện mà các công ty thành viên của GELEX Electric phát triển đều:

- Đáp ứng tiêu chuẩn về an toàn chất lượng và môi trường áp dụng.
- Xử lý an toàn các chất thải, phế liệu không gây hại với môi trường.
- Lập kế hoạch đầu tư cho môi trường dựa trên đánh giá của địa phương và xã hội.
- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn chất lượng và bảo vệ môi trường.

Các sản phẩm của các CTTV GELEX Electric phải đảm bảo: Phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, an toàn và tiết kiệm năng lượng. Các dây chuyền sản xuất của GELEX Electric cũng là các dây chuyền sản xuất tân tiến, để tối ưu hóa các nguồn lực, giảm thiểu lãng phí.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là một trong những thành phần chính chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất của các sản phẩm thiết bị điện. Xu hướng hiện nay là chuyển sang sử dụng các loại nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng và tiết kiệm năng lượng. Điều này sẽ có lợi cho cả doanh nghiệp sản xuất và môi trường trong dài hạn. Việc quản lý hiệu quả sẽ góp phần nâng cao năng suất, gia tăng sản lượng và đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường bằng những sản phẩm tiết kiệm năng lượng đồng thời chứa hàm lượng chất xám cao. Quy trình sản xuất ở các Công ty thành viên đều được xây dựng cụ thể và giám sát chất lượng ở tất cả các khâu:

- Chọn nhà cung cấp uy tín và nguyên vật liệu phù hợp.
- Quản lý hàng tồn kho hiệu quả đáp ứng đúng, đủ nhu cầu sản xuất.
- Tổ chức cấp phát nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm ở các khâu và bảo quản sản phẩm.
- Thanh toán, quyết toán nguyên vật liệu.

Các quy trình sản xuất đều được chuẩn hóa và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành và tiết kiệm năng lượng. Đảm bảo an toàn đối với người lao động và khách hàng cũng như tối thiểu hoạt động phát thải ra môi trường.

Tiêu thụ năng lượng

GELEX Electric coi việc tiết kiệm tiêu thụ năng lượng đối với Các CTTV sản xuất thiết bị điện là một yếu tố quan trọng trong việc giảm chi phí sản xuất, đảm bảo vận hành sản xuất xuyên suốt và góp phần bảo vệ môi trường. Tại các nhà máy sản xuất luôn ưu tiên việc tiết kiệm năng lượng điện, nước một cách hợp lý, tránh sử dụng thừa, lãng phí không cần thiết để đạt tiêu chí:

- Vận hành hợp lý các hệ thống công nghệ để giảm thiểu nguồn điện năng dư thừa.
- Sử dụng hệ thống chiếu sáng hợp lý, tiết kiệm năng lượng như dùng bóng đèn led, thực hiện tắt các thiết bị không cần thiết khi không sử dụng.
- Thực hiện bảo dưỡng máy móc định kỳ đúng theo tiêu chuẩn để đảm bảo điện năng tiêu thụ.

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, trong quá trình hoạt động công ty đã làm việc với nhiều đoàn thành kiểm tra về môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Năm 2024, GELEX Electric tiếp tục đầu tư phát triển nguồn lực con người thông qua: Tiếp tục triển khai Đề án phát triển nhân sự kế cận nhằm xây dựng đội ngũ lãnh đạo tương lai tài năng, tâm huyết; Tăng cường đào tạo: Từng bước chuyển đổi thành tổ chức học tập, nâng cao năng lực toàn diện cho nhân viên; Rà soát hệ thống quản trị và chính sách nhân sự: Đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển và mục tiêu phát triển.

Công ty luôn nhận thức được tầm quan trọng của đội ngũ người lao động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, vì vậy Ban Lãnh đạo công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao các chính sách, đảm bảo đầy đủ mọi quyền lợi cho người lao động. Đội ngũ nhân sự của Công ty ngày càng được trẻ hóa, năng động, giàu lòng nhiệt huyết, sáng tạo. Tính đến thời điểm 31/12/2023, tổng số lao động trong toàn khối GELEX Electric là 2.116 người:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ %
I. Phân theo giới tính	2116	100%
Nam	1775	83,88%
Nữ	341	16,12%

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ %
II. Phân loại theo trình độ	2116	100%
Nhân sự có trình độ trên đại học	28	1,32%
Nhân sự có trình độ đại học	735	34,74%
Nhân sự có trình độ cao đẳng, trung cấp	600	28,36%
Nhân sự có trình độ Công nhân kỹ thuật	572	27,03%
Nhân sự có trình độ phổ thông	181	8,55%

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Nhằm tạo động lực, khích lệ nhân viên đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của GELEX Electric và các CTTV, Công ty đã xây dựng và duy trì các chính sách phúc lợi tốt nhất cho CBNV, bao gồm các chính sách về chăm sóc sức khỏe, du lịch, nghỉ dưỡng và chính sách đặc biệt dành cho người thân của CBNV.

GELEX Electric luôn xem công tác đào tạo là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, đóng vai trò lớn trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Hiện GELEX Electric đã tổ chức đào tạo tới tất cả các chức danh, dưới nhiều hình thức, đảm bảo việc đào tạo được tiến hành sâu, rộng, đồng loạt trên toàn quốc.

Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo nâng bậc, đào tạo sử dụng thiết bị mới cho công nhân trực tiếp sản xuất, nâng lương cho lao động gián tiếp, tổ chức đào tạo kỹ năng quản trị hiện đại cho cán bộ từ cấp quản lý và một số nhân viên trẻ có năng lực phục vụ thiết thực cho công tác quản lý. Công tác tuyển dụng cũng được chú trọng, nâng cao chất lượng. Lao động mới được tuyển dụng đã hòa nhập nhanh và bước đầu có những đóng góp cho đơn vị. Chính sách đối với người lao động luôn tuân thủ theo Bộ luật lao động và các văn bản liên quan từ khâu tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, chế độ làm việc 08 giờ/ngày, chế độ nghỉ ngơi, thời gian nghỉ phép, lễ, nghỉ ốm, nghỉ thai sản... Việc chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động minh bạch, thực hiện đúng theo Thỏa ước lao động tập thể. Việc thanh toán tiền lương cho người lao động được thực hiện đầy đủ, không nợ lương người lao động. Về các chế độ với người lao động thực hiện đầy đủ việc đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho người lao động. Công ty cũng chi trả đầy đủ cho công tác chữa bệnh nghề nghiệp, tổ chức đoàn an dưỡng, thường xuyên chăm lo công tác y tế, cấp phát thuốc cho CBNV, trang bị bảo hộ lao động. Bên cạnh đó GELEX Electric duy trì tinh thần sáng tạo, luôn tìm những phương án mới, cách làm hay để nâng cao công tác đào tạo nội bộ, phát triển nguồn nhân lực, nâng tầm nhân viên ngày một cao hơn.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.



CHƯƠNG

06

Báo cáo tài chính
hợp nhất

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Đặng Phan Tường	Thành viên
Ông Đỗ Duy Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Trung	Thành viên
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Trung	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Đào Viết Đĩnh	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Bùi Thị Trang	Thành viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)
Bà Tiêu Thị Dung	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)

Trách nhiệm của ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi: Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 64, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2023-001-1

Lương Tuấn Đạt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.563.191.996.211	7.767.527.023.963
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.125.181.472.381	709.642.327.664
1. Tiền	111		882.133.509.367	564.424.378.349
2. Các khoản tương đương tiền	112		243.047.963.014	145.217.949.315
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		162.180.043.357	224.520.087.123
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	49.991.114.316	1.610.906.301
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	17.1	112.188.929.041	222.909.180.822
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.995.722.963.997	2.332.529.988.643
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.884.000.396.600	1.651.053.396.469
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	92.912.221.753	536.960.654.004
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	150.000.000.000	10.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	102.230.270.270	357.669.879.026
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(233.419.924.626)	(223.153.940.856)
IV. Hàng tồn kho	140	11	3.074.354.439.211	4.360.430.182.967
1. Hàng tồn kho	141		3.113.503.718.437	4.388.737.840.768
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(39.149.279.226)	(28.307.657.801)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		205.753.077.265	140.404.437.566
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	16.805.304.329	18.162.722.306
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		171.297.335.744	106.240.169.152
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	17.650.437.192	16.001.546.108

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.159.740.434.753	9.652.096.136.063
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.258.539.911	15.111.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		7.167.539.911	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	-	15.000.000.000
3. Phải thu dài hạn khác	216		91.000.000	111.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.460.495.583.375	6.682.659.963.865
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	3.380.042.566.756	6.588.973.490.925
- Nguyên giá	222		6.578.153.387.235	9.630.097.534.692
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.198.110.820.479)	(3.041.124.043.767)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	80.453.016.619	93.686.472.940
- Nguyên giá	228		140.922.888.119	138.209.973.949
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.469.871.500)	(44.523.501.009)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	130.231.517.835	139.231.876.837
- Nguyên giá	231		215.774.318.168	215.774.318.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(85.542.800.333)	(76.542.441.331)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		264.461.553.949	171.388.161.698
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	264.461.553.949	171.388.161.698
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.653.149.719.113	1.882.150.801.639
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17.2	1.420.899.672.268	767.553.251.239
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17.3	1.246.882.550.400	1.114.597.550.400
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17.3	(14.632.503.555)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		644.143.520.570	761.554.332.024
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	493.522.874.541	591.666.043.239
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	27	26.337.031.849	16.101.230.196
3. Lợi thế thương mại	269	18	124.283.614.180	153.787.058.589
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		13.722.932.430.964	17.419.623.160.026

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.771.052.596.049	11.416.179.720.742
I. Nợ ngắn hạn	310		6.458.680.884.042	6.165.114.622.354
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	580.776.898.147	1.052.192.064.846
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	220.725.681.780	246.176.594.439
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	89.249.003.108	89.968.626.997
4. Phải trả người lao động	314		128.095.191.775	83.766.866.498
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	38.495.624.493	61.402.099.246
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		19.159.092	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	938.495.943.804	1.016.080.095.926
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	4.369.528.999.468	3.505.874.297.985
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	26	74.508.081.339	88.198.811.192
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.786.301.036	21.455.165.225
II. Nợ dài hạn	330		1.312.371.712.007	5.251.065.098.388
1. Phải trả người bán dài hạn	331	19	-	9.259.078.400
2. Phải trả dài hạn khác	337		6.951.694.250	2.172.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	1.235.643.872.006	5.159.829.973.072
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	27	6.470.160.639	6.451.798.811
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	63.305.985.112	73.352.248.105

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.951.879.834.915	6.003.443.439.284
I.	Vốn chủ sở hữu	410	28	5.949.513.329.338	6.000.424.392.006
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		835.287.500.000	835.287.500.000
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		5.000.000.000	5.000.000.000
4.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		536.209.913.991	525.863.463.548
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.055.499.015.330	919.904.234.036
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		615.088.884.503	369.170.086.575
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		440.410.130.827	550.734.147.461
6.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		517.516.900.017	714.369.194.422
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.366.505.577	3.019.047.278
1.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		2.366.505.577	3.019.047.278
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		13.722.932.430.964	17.419.623.160.026

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Trịnh Thị Hằng Phương
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	16.757.537.132.187	16.822.823.680.023
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	150.268.605.674	158.151.142.409
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	30	16.607.268.526.513	16.664.672.537.614
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	14.581.337.221.301	14.550.681.716.128
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.025.931.305.212	2.113.990.821.486
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	571.666.502.678	840.623.635.551
7. Chi phí tài chính	22	34	901.030.200.655	1.128.443.045.178
- Trong đó: Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	23		575.944.738.472	716.192.111.956
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24	17,2	1.120.672.816	19.475.537.739
9. Chi phí bán hàng	25	35	327.729.790.359	348.744.839.303
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	420.242.788.855	408.238.567.370
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		949.715.700.837	1.088.663.542.925
12. Thu nhập khác	31		23.590.386.729	40.567.570.130
13. Chi phí khác	32		6.215.893.620	8.877.018.432
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		17.374.493.109	31.690.551.698
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		967.090.193.946	1.120.354.094.623
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	184.637.766.680	140.747.641.889
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	(10.217.439.825)	8.001.521.170
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		792.669.867.091	971.604.931.564
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		745.377.314.586	880.462.911.763
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		47.292.552.505	91.142.019.801
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	2.485	2.912

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Trịnh Thị Hằng Phương

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Trung

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	967.090.193.946	1.120.354.094.623
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và lợi thế thương mại phân bổ	02	582.175.378.022	632.939.301.567
Các khoản dự phòng	03	12.003.115.904	(1.757.789.990)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	7.060.148.810	21.439.299.986
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(488.764.200.381)	(777.081.913.224)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	575.944.738.472	716.192.111.956
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.655.509.374.773	1.712.085.104.918
Giảm các khoản phải thu	09	942.935.197.836	1.084.929.139.146
Giảm hàng tồn kho	10	1.275.234.122.331	2.404.529.954.652
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(760.658.694.568)	(2.909.427.131.133)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	44.503.632.003	(6.895.922.702)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	(48.380.208.015)	221.204.546.129
Tiền lãi vay đã trả	14	(602.187.382.861)	(697.465.698.559)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(177.723.063.194)	(140.060.037.612)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.521.960.911)	(20.901.274.043)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.317.711.017.394	1.647.998.680.796
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(239.806.739.152)	(303.912.410.315)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.282.655.346	65.080.839.009
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(315.545.778.356)	(422.739.180.822)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	301.266.030.137	571.865.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(773.279.417.529)	(139.408.800.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	840.122.550.412	1.239.663.600.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	188.261.255.561	250.562.100.485
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.300.556.419	1.261.111.148.357
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu và bán cổ phiếu quỹ	31	15.120.000.000	108.238.299.785
2. Tiền thu từ đi vay	33	8.329.721.326.789	11.784.844.065.543
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.504.417.442.112)	(14.614.658.438.665)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(747.998.954.700)	(887.041.637.725)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.907.575.070.023)	(3.608.617.711.062)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	414.436.503.790	(699.507.881.909)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	709.642.327.664	1.409.760.105.856
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.102.640.927	(609.896.283)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.125.181.472.381	709.642.327.664

Trịnh Thị Hằng Phương
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

1. Thông tin khái quát

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (“Công ty”), được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107547109 ngày 29 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 15 tháng 11 năm 2022.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 8885/UBCK-GSĐC ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Công ty có trụ sở chính tại số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.

Tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.116 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.279 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (gọi tắt là “Nhóm Công ty”) là:

- Sản xuất, kinh doanh thiết bị điện bao gồm dây cáp điện; máy biến áp, động cơ điện; thiết bị điện bao gồm công tơ điện, đồng hồ Volt-ampe, máy biến dòng; tủ điện và các sản phẩm khác và dịch vụ sửa chữa;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của nhóm Công ty là 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Mua thêm cổ phần chào bán tại Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX (“Mua bán điện”):

- Theo Nghị quyết số 04/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 02 năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận chủ trương tăng vốn tại Mua bán điện. Trong năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 1.504.500 cổ phần của Mua bán điện theo phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông của Mua bán điện phê duyệt.

- Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết sở hữu của Công ty tại Mua bán điện vẫn giữ nguyên là 51%.

- Mua thêm cổ phần CAV - Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (“CADIVI”) thông qua hình thức chào mua công khai:

- Tại ngày 28 tháng 02 năm 2023, Công ty đã kết thúc đợt chào mua công khai cổ phiếu CAV - Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (“CADIVI”) theo Nghị quyết số 53/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 12 năm 2022, số lượng cổ phiếu đã mua là 64.456 cổ phiếu. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại CADIVI tăng từ 96,35% lên 96,46% kể từ ngày này.

- Mua tăng sở hữu cổ phiếu THI - Công ty Cổ phần Thiết bị điện (“THIBIDI”):

Trong năm Công ty đã hoàn thành mua thêm với tổng số lượng 3.594.023 cổ phần THIBIDI, theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại THIBIDI tăng từ 90,71% năm 2023 lên 98,07%. Cụ thể như sau:

- Tại ngày 28 tháng 02 năm 2023, Công ty đã kết thúc đợt chào mua công khai cổ phiếu THI - Công ty Cổ phần Thiết bị điện (“THIBIDI”) theo Nghị quyết số 52/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 12 năm 2022, số lượng cổ phiếu đã mua là 250.328 cổ phiếu.

- Tại ngày 25 tháng 4 năm 2023, Công ty đã hoàn tất thủ tục mua 2.263.500 cổ phiếu THI - Công ty Cổ phần Thiết bị điện (“THIBIDI”) theo Nghị quyết số 10/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2023.

- Tại ngày 29 tháng 6 năm 2023, Cổ phiếu THI - Công ty Cổ phần Thiết bị điện được chấp thuận hủy niêm yết theo Quyết định số 238/QĐ-SGDHCM cấp ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Theo Nghị quyết số 09A/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 3 năm 2023, Hội đồng Quản trị thông qua việc đồng ý cam kết mua lại toàn bộ số lượng cổ phiếu THIBIDI và Nghị quyết số 29/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị thông qua Phương án thực hiện cam kết mua lại toàn bộ số lượng cổ phiếu THI mà các cổ đông còn lại nắm giữ sau khi THIBIDI hủy tư cách công ty đại chúng, hủy niêm yết, tại ngày 13 tháng 10 năm 2023, Công ty đã hoàn tất thủ tục mua 1.080.195 cổ phiếu THI.

- Thành lập Công ty con gián tiếp - Công ty Cổ phần Mua bán điện Hưng Yên:

Theo Nghị quyết số 51/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 11 năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã chấp thuận với đề xuất của Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX về việc Mua bán điện góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Mua bán điện Hưng Yên với số vốn điều lệ góp là 3.060.000.000 VND, tương ứng tỷ lệ biểu quyết 51%. Trong năm 2023, Công ty Mua bán điện đã góp đủ số tiền 3.060.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Mua bán điện Hưng Yên, tuy nhiên do các cổ đông khác không góp đủ vốn theo cam kết nên tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Mua bán điện tại Mua bán điện Hưng Yên là 72,86%.

- Mua thêm cổ phần chào bán tại Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE (“MEE”):

Theo Nghị quyết số 24/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại ngày 31 tháng 8 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc mua 5.902.500 cổ phần của MEE theo phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông của MEE phê duyệt.

Theo đó, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty tại MEE tăng từ 51,00% tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lên 66,79% kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2023.

- Hoàn tất chuyển nhượng 90% phần vốn góp tại Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị:

Theo Nghị quyết số 35/2023/GE/NQ/HĐQT ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng quản trị, ngày 29 tháng 9 năm 2023, Công ty hoàn tất việc chuyển nhượng 90% phần vốn góp tại Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị (“GELEX Quảng Trị”) cho Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX - công ty cùng Tập đoàn thông qua Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 2808/2023/HĐCNVPG/GELEX Infra - GELEX Electric giữa Công ty và Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX và Phụ lục kèm theo. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại GELEX Quảng Trị giảm từ 100% xuống còn 10%, GELEX Quảng Trị không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Công ty TNHH MTV Mirai Quảng Trị - công ty con của GELEX Quảng Trị cũng không còn là công ty con gián tiếp của Công ty.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của GELEX Quảng Trị (số liệu đã được hợp nhất với số liệu của công ty con) tại ngày thoái vốn là 1.112,4 tỷ VND. Lãi phát sinh từ thanh lý khoản đầu tư tại GELEX Quảng Trị là 285 tỷ VND.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con mà Công ty có tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (“Cadivi”)	Thành phố Hồ Chí Minh	96,46%	96,46%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”)	Hà Nội	76,70%	76,70%	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3.	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT (“CFT”)	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất dây đồng và dây tráng thiếc
4.	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (“Thibidi”)	Đồng Nai	98,07%	98,07%	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
5.	Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC (“Emic”)	Hà Nội	74,99%	74,99%	Sản xuất và kinh doanh thiết bị đo điện gồm công tơ điện, đồng hồ Volt-Ampe, máy biến dòng, máy biến áp, tủ điện và các sản phẩm khác
6.	Công ty TNHH Phát điện GELEX (“Phát điện GELEX”)	Hà Nội	100%	100%	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện
7.	Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE (trước đây là “Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đồng Anh”) (“MEE”)	Hà Nội	66,79%	66,79%	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp
8.	Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	Hà Nội	51,00%	51,00%	Truyền tải và phân phối điện

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, một số công ty con của Công ty cũng sở hữu các công ty con, công ty liên kết khác với thông tin cụ thể về tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết như sau:

(i) Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (“Cadivi”):

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai (“Cadivi Đồng Nai”)	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 25/2023/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (“CADIVI”), Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc (“CADIVI Miền Bắc”) sẽ được thành lập với số vốn điều lệ là 200.000.000.000 VND trong đó tỷ lệ góp vốn của CADIVI là 100%. Ngày 05 tháng 01 năm 2024, CADIVI Miền Bắc đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 230127037 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 03 tháng 01 năm 2024. Theo đó, CADIVI Miền Bắc trở thành công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

(ii) Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”):

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội (“HECO”)	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2.	Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-Power (“G-Power”)	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

STT	Tên công ty liên kết	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Hà Nội	35%	35%	Kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng

(ii) Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (“THIBIDI”):

STT	Tên công ty liên kết	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần (*)	Hà Nội	46,17%	46,17%	Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, thiết kế công trình điện

(*) Tại ngày 31 tháng 8 năm 2023, THIBIDI - công ty con của Công ty đã kết thúc đợt chào mua công khai cổ phiếu TBD - Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty cổ phần (“TBD”) theo Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 6 năm 2023, số lượng cổ phiếu đã mua là 6.879.996 cổ phiếu. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của THIBIDI tại TBD tăng từ 24,95% lên 46,17% kể từ ngày này.

(iii) Công ty TNHH Phát điện GELEX (“Phát điện GELEX”):

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ (“Phú Thạnh Mỹ”)	Quảng Nam	73,16%	73,16%	Sản xuất thủy điện
2.	Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận	Ninh Thuận	100,00%	100,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời

(iv) Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX:

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Mua bán điện Hưng Yên	Hà Nội	72,86%	72,86%	Truyền tải và phân phối điện

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất và năm tài chính

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là nhất quán.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một hoặc nhiều đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh, được xác định theo giá trị ghi sổ trên báo cáo hợp nhất của bên chuyển nhượng tại ngày giao dịch, bao gồm giá trị còn lại của lợi thế thương mại phát sinh khi bên chuyển nhượng đạt được quyền kiểm soát tại đơn vị được hợp nhất.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh;
- Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi vào quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Sau ngày hợp nhất kinh doanh, nếu Công ty chuyển nhượng và mất quyền kiểm soát khoản đầu tư vào các đơn vị này, phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần đã được hạch toán trước đây vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu sẽ được phân loại lại sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua và lợi thế thương mại

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Trong trường hợp trước ngày Công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khi đạt được quyền kiểm soát, trên báo cáo tài chính hợp nhất công ty mẹ đánh giá lại giá trị khoản đầu tư theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Nhóm Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Nhóm Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Nhóm Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá gốc theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Nhóm Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn và các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Nhóm Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Nhóm Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các công ty con phê duyệt.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 26
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất	50
Phần mềm máy tính	02 - 06
Bản quyền, bằng sáng chế	05 - 07

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất phản ánh số tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Bản quyền, bằng sáng chế

Bản quyền, bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất do Nhóm Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất	50
Nhà cửa, vật kiến trúc	08- 30

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất trả trước;
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng;
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng, mặt bằng;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định;
- Chi phí bảo lãnh khoản vay;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí di dời máy móc thiết bị;
- Chi phí nội thất văn phòng;
- Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất (có hiệu lực sau ngày 01 tháng 7 năm 2004) có thời hạn từ 39 năm đến 50 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng

Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình Dự án Trang trại điện mặt trời Gelex Ninh Thuận được phân bổ vào chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian hoạt động còn lại của dự án kể từ khi nhà máy đưa vào vận hành.

Tiền thuê cơ sở hạ tầng, mặt bằng

Tiền thuê cơ sở hạ tầng, mặt bằng bao gồm các chi phí trả trước cho nhiều năm. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định bao gồm các chi phí sửa chữa tài sản cố định trả trước cho một hay nhiều năm. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí bảo lãnh khoản vay

Chi phí bảo lãnh vay ngân hàng thể hiện khoản phí bảo lãnh đã trả trước, được phân bổ vào chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn bảo lãnh.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng

Công cụ, dụng cụ xuất dùng bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí di dời máy móc thiết bị

Chi phí di dời máy móc, thiết bị từ Khu công nghiệp Biên Hòa sang nhà máy mới tại Khu công nghiệp Long Đức, được phân bổ vào chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

Chi phí nội thất văn phòng

Chi phí nội thất văn phòng bao gồm các đồ nội thất, trang thiết bị trang trí được phân bổ vào chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng 3 năm theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí trả trước cho nhiều kỳ. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Trái phiếu phát hành

Nhóm Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu (-) Chi phí phát hành trái phiếu.

Nhóm Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội sử dụng phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Đối với bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Đối với cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất và;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện được ghi khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Nhóm Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm lãi từ việc bán hàng trả chậm. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận bằng phần chênh lệch giữa giá bán trả ngay và tổng giá trị thu hồi từ việc bán hàng trả chậm. Hàng năm, doanh thu hoạt động tài chính về phần tính lãi trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhóm Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản lỗ về thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Nhóm Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Nhóm Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Nhóm Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	13.667.001.657	4.082.528.218
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	868.466.507.710	560.341.850.131
Các khoản tương đương tiền (*)	243.047.963.014	145.217.949.315
	1.125.181.472.381	709.642.327.664

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 03 tháng và hưởng mức lãi suất từ 1,9%/năm đến 8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 5,6%/năm đến 6%/năm).

Một số khoản tương đương tiền được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 24 và 25).

5. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	VND Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	VND Dự phòng
Cổ phiếu (i)	49.991.114.316	50.981.205.000	-	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	1.610.906.301	(ii)	-
	49.991.114.316	50.981.205.000	-	1.610.906.301		-

(i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu được giao dịch tại ngày 29 tháng 12 năm 2023 (phiên giao dịch cuối cùng liền kề trước ngày kết thúc năm tài chính).

(ii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản chứng chỉ tiền gửi tại ngày kết thúc niên độ kế toán do chưa có căn cứ tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh này.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	294.517.918.500	174.604.298.661
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	146.353.088.121	174.925.600.357
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	99.082.548.973	962.886.100
Công ty TNHH Furukawa Automotive Parts (Việt Nam)	67.680.307.312	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	32.349.107.500	93.603.342.761
Công ty Cổ phần Điện máy Thành phố Hồ Chí Minh	-	105.226.814.025
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.244.017.426.194	1.101.730.454.565
	1.884.000.396.600	1.651.053.396.469
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	440.916.790.269	2.569.982.770

Quyền thụ hưởng một số khoản phải thu được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 24 và 25).

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Công ty Cổ phần Dây đồng TSM	50.000.000.000	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Kinex Việt Nam	6.445.907.305	12.574.205.840
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Việt Kim	10.000.000.000	68.023.438.925
Các khoản trả trước khác	26.466.314.448	56.363.009.239
	92.912.221.753	536.960.654.004
Trong đó:		
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	-	1.076.012.697

8. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	150.000.000.000	-
Công ty Cổ phần VGROUP	-	10.000.000.000
	150.000.000.000	10.000.000.000
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Dây đồng TSM	-	15.000.000.000
	-	15.000.000.000
Trong đó:		
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	150.000.000.000	-

9. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Ký cược, ký quỹ	51.887.639.083	79.014.338.006
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	25.308.500.000	108.500.000
Phải thu về tiền lãi tiền gửi, cho vay	4.100.471.046	3.587.138.577
Tạm ứng	1.783.670.556	18.957.847.345
Tiền phong tỏa để chào mua công khai cổ phiếu CADIVI, THIBIDI	-	231.196.450.500
Phải thu khác	19.149.989.585	24.805.604.598
	102.230.270.270	357.669.879.026
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	349.315.068	-

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

10. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	VND Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	VND Dự phòng
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.283.046.487	-	106.283.046.487	106.283.046.487	-	106.283.046.487
Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	57.814.174.949	-	57.814.174.949	57.814.174.949	-	57.814.174.949
Các khoản khác	73.082.328.787	3.759.625.597	69.322.703.190	65.345.168.803	6.288.449.383	59.056.719.420
	237.179.550.223	3.759.625.597	233.419.924.626	229.442.390.239	6.288.449.383	223.153.940.856

(*) Giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi là giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị dự phòng được trích lập theo các quy định hiện hành cho các khoản phải thu đó.

11. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	298.253.074.062	-	46.647.728.914	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.081.257.832.802	(21.668.255.389)	2.034.931.070.974	(10.938.438.093)
Công cụ, dụng cụ	7.750.942.567	-	7.336.745.637	(14.325.828)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	247.842.878.975	(3.196.692.617)	327.081.289.040	-
Thành phẩm	1.449.169.226.230	(14.248.101.074)	1.913.650.093.656	(17.354.893.880)
Hàng hoá	19.653.648.977	(36.230.146)	29.548.114.888	-
Hàng gửi bán	9.576.114.824	-	29.542.797.659	-
	3.113.503.718.437	(39.149.279.226)	4.388.737.840.768	(28.307.657.801)

Trong năm, Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền 19,1 tỷ VND (năm trước 15,8 tỷ VND) và hoàn nhập dự phòng với số tiền là 8,2 tỷ VND (năm trước hoàn nhập: 363 triệu VND) do giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thay đổi so với giá trị thuần có thể thực hiện được khi tính toán trích lập đầu năm.

Một số hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24 và 25).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

12. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	
a. Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.651.482.779	2.393.858.571
Chi phí quảng cáo, hội nghị	2.646.153.907	1.297.197.786
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	841.550.804	1.436.210.675
Chi phí thuê đất, văn phòng, cửa hàng	300.618.297	358.975.574
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.365.498.542	12.676.479.700
	16.805.304.329	18.162.722.306
b. Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước (*)	231.640.310.701	250.909.116.060
Tiền thuê cơ sở hạ tầng, mặt bằng (*)	133.177.804.406	125.426.246.050
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	55.306.525.626	110.066.856.181
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	26.458.511.751	35.023.901.911
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.285.866.374	14.058.569.276
Chi phí nội thất văn phòng	10.950.453.557	16.177.068.075
Chi phí di dời máy móc thiết bị	10.045.735.252	16.819.630.467
Chi phí bảo lãnh khoản vay	2.869.820.788	7.845.816.675
Chi phí trả trước dài hạn khác	10.787.846.086	15.338.838.544
	493.522.874.541	591.666.043.239

(*) Một số tiền thuê đất trả trước, tiền thuê cơ sở hạ tầng, mặt bằng đã được thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24 và 25).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Số dư đầu năm		Số dư cuối năm		Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	2.436.593.741.152	6.892.385.471.290	274.805.717.034	26.312.605.216	9.630.097.534.692		
Tăng trong năm	-	79.741.629.383	18.188.775.705	1.471.652.637	99.402.057.725		
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	45.033.986.512	-	-	-	45.033.986.512		
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(247.244.552.146)	(2.843.377.974.741)	(83.172.607.488)	-	(3.173.795.134.375)		
Thanh lý, nhượng bán	(65.906.563)	(14.357.750.337)	(7.969.722.246)	(191.678.173)	(22.585.057.319)		
Số dư cuối năm	2.234.317.268.955	4.114.391.375.595	201.852.163.005	27.592.579.680	6.578.153.387.235		
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	623.139.442.607	2.254.437.007.809	144.687.140.489	18.860.452.862	3.041.124.043.767		
Khấu hao trong năm	114.720.695.292	386.952.936.131	23.634.820.677	2.102.693.721	527.411.145.821		
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(46.467.390.403)	(291.248.151.909)	(16.085.502.896)	-	(353.801.045.208)		
Thanh lý, nhượng bán	(65.906.563)	(12.104.408.538)	(4.277.034.700)	(175.974.100)	(16.623.323.901)		
Số dư cuối năm	691.326.840.933	2.338.037.383.493	147.959.423.570	20.787.172.483	3.198.110.820.479		
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày đầu năm	1.813.454.298.545	4.637.948.463.481	130.118.576.545	7.452.152.354	6.588.973.490.925		
Tại ngày cuối năm	1.542.990.428.022	1.776.353.992.102	53.892.739.435	6.805.407.197	3.380.042.566.756		

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 773 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 681 tỷ VND).

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24 và 25). Giá trị còn lại của tài sản cố định thế chấp ngân hàng là 2.019 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5.112 tỷ VND).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	VND	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	22.298.050.922	73.167.615.577	42.744.307.450	138.209.973.949
Tăng trong năm	-	392.000.000	-	392.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.287.514.170	-	3.287.514.170
Giảm khác	-	(966.600.000)	-	(966.600.000)
Số dư cuối năm	22.298.050.922	75.880.529.747	42.744.307.450	140.922.888.119
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	3.690.880.314	35.869.749.924	4.962.870.771	44.523.501.009
Khấu hao trong năm	258.489.855	14.223.155.823	2.431.324.813	16.912.970.491
Giảm khác	-	(966.600.000)	-	(966.600.000)
Số dư cuối năm	3.949.370.169	49.126.305.747	7.394.195.584	60.469.871.500
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	18.607.170.608	37.297.865.653	37.781.436.679	93.686.472.940
Tại ngày cuối năm	18.348.680.753	26.754.224.000	35.350.111.866	80.453.016.619

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 15,5 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 14,6 tỷ VND).

Một số tài sản cố định vô hình đã được thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24 và 25). Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình thế chấp ngân hàng là 18,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 18,6 tỷ VND).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	177.369.030.728	38.405.287.440	215.774.318.168
Số dư cuối năm	177.369.030.728	38.405.287.440	215.774.318.168
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	65.469.800.392	11.072.640.939	76.542.441.331
Khấu hao trong năm	8.224.889.435	775.469.567	9.000.359.002
Số dư cuối năm	73.694.689.827	11.848.110.506	85.542.800.333
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	111.899.230.336	27.332.646.501	139.231.876.837
Tại ngày cuối năm	103.674.340.901	26.557.176.934	130.231.517.835

Nguyên giá bất động sản đầu tư khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 32,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 32,3 tỷ VND).

Một số bất động sản đầu tư đã được thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 24 và 25). Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư thế chấp ngân hàng là 35,5 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 36,6 tỷ VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Nhóm Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Dự án trung tâm thương mại và văn phòng cao cấp tại 799 Kinh Dương Vương	127.443.482.364	127.443.482.364
Dây chuyền sản xuất CCV	100.957.073.066	13.892.959.869
Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt	19.155.085.644	3.070.504.519
Dự án Công ty Mua bán điện tại các KCN	4.820.332.531	10.733.616.135
Dự án Cadivi Tower	1.924.667.583	2.352.683.041
Dự án triển khai hệ thống ERP	-	3.287.514.170
Khác	10.160.912.761	10.607.401.600
	264.461.553.949	171.388.161.698

Một số tài sản hình thành từ các dự án được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 24 và 25).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

17. Đầu tư tài chính

17.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số đầu năm			Số cuối năm		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng (i)	112.188.929.041	-	-	222.909.180.822	-	-
	112.188.929.041	-	-	222.909.180.822	-	-

(i) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và chứng chỉ tiền gửi bằng VND với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng với lãi suất từ 4,3%/năm đến 10,5%/năm (năm 2022: 4,6%/năm đến 6,6%/năm).

17.2. Đầu tư vào công ty liên kết

	VND	VND	Phần lợi nhuận từ công ty liên kết			Số cuối năm
			Lợi nhuận từ kết quả kinh doanh trong năm	Cổ tức nhận được	Phân phối quỹ và điều chỉnh khác	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần (i)	519.515.904.394	665.985.740.213	20.898.116.438	(29.936.266.000)	(2.005.980.000)	1.174.457.515.045
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD (ii)	248.037.346.845	-	67.162.852.184	(61.425.000.000)	(7.333.041.806)	246.442.157.223
	767.553.251.239	665.985.740.213	88.060.968.622	(91.361.266.000)	(9.339.021.806)	1.420.899.672.268

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần tại ngày 29 tháng 12 năm 2023 là 1.264.807.238.500 VND (tại ngày 30 tháng 12 năm 2022: 1.011.017.125 VND), được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM tại phiên giao dịch cuối cùng liên kế trước ngày kết thúc năm tài chính và số lượng cổ phiếu mà Nhóm Công ty đang nắm giữ.

(ii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính vào công ty chưa niêm yết này.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

17. Đầu tư tài chính

17.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số đầu năm					
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	1.111.361.869.099	(iii)	-	1.111.361.869.099	(iii)	-
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị (i)	127.035.000.000	(iii)	(14.632.503.555)	-	-	-
Công ty Cổ phần công nghệ 1080	5.250.000.000	(iii)	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	2.178.670.000	5.178.547.000	-	2.178.670.000	5.159.200.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.057.011.301	(iii)	-	1.057.011.301	(iii)	-
	1.246.882.550.400		(14.632.503.555)	1.114.597.550.400		-

(i) Từ ngày 29 tháng 9 năm 2023, Công ty chỉ còn nắm giữ 10% vốn điều lệ của Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị (“GELEX Quảng Trị”). Theo đó, khoản đầu tư vào GELEX Quảng Trị trở thành khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Như trình bày tại Thuyết minh số 01).

(ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán HOSE tại ngày 29 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 12 năm 2022 (phiên giao dịch cuối cùng liền kề trước ngày kết thúc năm tài chính).

(iii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

18. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Thiết bị điện		Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	22.071.631.237	166.685.653.795	27.734.837.846	38.184.709.266	254.676.832.144
Số dư cuối năm	22.071.631.237	166.685.653.795	27.734.837.846	38.184.709.266	254.676.832.144
PHÂN BỐ LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	10.720.506.599	66.674.261.520	14.683.149.451	8.811.855.985	100.889.773.555
Phân bổ trong năm	2.522.472.141	16.668.565.380	3.262.922.100	7.049.484.788	29.503.444.409
Số dư cuối năm	13.242.978.740	83.342.826.900	17.946.071.551	15.861.340.773	130.393.217.964
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	11.351.124.638	100.011.392.275	13.051.688.395	29.372.853.281	153.787.058.589
Tại ngày cuối năm	8.828.652.497	83.342.826.895	9.788.766.295	22.323.368.493	124.283.614.180

(i) Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari đã được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Chế tạo Cơ điện Hà Nội từ năm 2019.

19. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Giá trị / Số có khả năng trả nợ	Giá trị / Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	150.173.507.565	92.106.174.396
Y and W Engineering and Trading Co., Ltd	85.953.590.450	144.878.473.333
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	18.410.161.826	38.013.562.772
Samsung C&T Singapore PTE. LTD	-	321.997.425.551
Toyota Tsusho Asia Pacific PTE. LTD.	-	135.644.531.790
Các đối tượng khác	326.239.638.306	319.551.897.004
	580.776.898.147	1.052.192.064.846
b. Dài hạn		
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	-	9.259.078.400
	-	9.259.078.400
Trong đó:		
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	168.583.669.391	139.388.185.759

20. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Tiến Phát	23.088.840.163	29.267.000.000
Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dẫn	13.631.400.000	32.852.520.448
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	18.347.500.000	33.180.500.000
Người mua trả tiền trước khác	165.657.941.617	150.876.573.991
	220.725.681.780	246.176.594.439
Trong đó:		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	8.628.671.199	19.637.257.627

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

21. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước

	Số phải nộp trong năm			Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm		Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	11.519.304.307	29.420.250.390	(1.545.206.342)	626.421.467.647	634.042.906.595	11.519.359.807	20.253.660.600
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	2.477.136	-	-	3.361.168.761	3.358.691.625	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.478.764.664	52.729.377.124	-	185.398.571.895	177.723.063.194	6.122.800.764	62.048.921.925
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.928.852.832	(20.355.000)	20.223.412.889	21.216.047.176	7.276.621	1.923.140.166
Thuế tài nguyên	-	2.094.187.856	-	15.878.624.676	15.397.304.567	-	2.575.507.965
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	12.034.421.042	12.034.421.042	-	-
Các loại thuế khác	1.000.001	81.271.479	-	3.724.820.085	3.806.091.563	1.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.714.687.316	-	8.964.503.435	9.231.418.299	-	2.447.772.452
	16.001.546.108	89.968.626.997	(1.565.561.342)	876.006.990.430	876.809.944.061	17.650.437.192	89.249.003.108

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay	11.584.152.250	34.301.219.593
Phí thanh toán trả chậm, thư tín dụng (LC)	9.351.262.584	543.421.072
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	8.031.964.588	16.085.295.215
Lãi ký quỹ và chiết khấu thanh toán	5.086.102.438	4.151.045.662
Chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bán hàng, quản lý trích trước	1.083.566.303	4.428.058.763
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.358.576.330	1.893.058.941
	38.495.624.493	61.402.099.246
Trong đó:		
Chi phí phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	-	25.085.729

23. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dư nợ thư tín dụng (LC) (i)	771.335.448.161	896.178.685.213
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (ii)	129.796.113.947	83.307.519.351
Cổ tức, lợi nhuận, lãi vay phải trả	20.110.550.675	27.402.899.528
Các khoản khác	17.253.831.021	9.190.991.834
	938.495.943.804	1.016.080.095.926
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	2.600.000.003	10.958.904.109

(i) Liên quan tới nghiệp vụ mua nguyên vật liệu và thanh toán qua LC với ngân hàng. Một số thư tín dụng được đảm bảo bằng các khoản phải thu, hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Nhóm Công ty và hàng hóa hình thành từ các thư tín dụng.

(ii) Bao gồm chủ yếu là các khoản nhận ký quỹ và ký cược từ khách hàng và chịu lãi suất tối đa 8,28%/năm (năm 2022: 9,72%/năm).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

24. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Trong năm			Số cuối năm			
	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	VND Giảm do thoái vốn tại công ty con	VND Tăng	VND Giảm	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	2.351.410.193.067	2.351.410.193.067	-	8.158.204.566.079	7.634.139.568.771	2.875.475.190.375	2.875.475.190.375
Vay ngân hàng (i)	2.347.533.664.067	2.347.533.664.067	-	8.143.579.566.079	7.623.993.039.771	2.867.120.190.375	2.867.120.190.375
Vay đối tượng khác	3.876.529.000	3.876.529.000	-	14.625.000.000	10.146.529.000	8.355.000.000	8.355.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.154.464.104.918	1.154.464.104.918	(114.519.116.105)	1.381.900.281.906	927.791.461.626	1.494.053.809.093	1.494.053.809.093
Trái phiếu đến hạn thanh toán	160.000.000.000	160.000.000.000	-	-	160.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	920.714.104.918	920.714.104.918	(114.519.116.105)	1.293.400.281.906	694.041.461.626	1.405.553.809.093	1.405.553.809.093
Vay bên liên quan	73.750.000.000	73.750.000.000	-	88.500.000.000	73.750.000.000	88.500.000.000	88.500.000.000
	3.505.874.297.985	3.505.874.297.985	(114.519.116.105)	9.540.104.847.985	8.561.931.030.397	4.369.528.999.468	4.369.528.999.468

(i) Các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

	VND		Lãi suất	Tài sản đảm bảo
			%/năm	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	453.531.936.877	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 3 năm 2024.	3,0% - 3,5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	497.713.960.249	Kỳ hạn vay 5 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 05 năm 2024.	2,6% - 3,8%	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	27.684.560.306	Thời hạn vay tối đa 4 tháng. Trả lãi sau 1 tháng kể từ ngày vay. Khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 08 tháng 4 năm 2024.	4,9% - 6,3%	Quyền đòi nợ từ các khoản phải thu.
Ngân hàng Sinopac Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	14.606.043.814	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 14 tháng 05 năm 2024.	5,50%	Hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 221007-HDBL ngày 26/07/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX và Ngân hàng Sinopac
	9.353.751.194	Kỳ hạn vay 180 ngày giải ngân đối với mỗi lần nhận nợ. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 4 năm 2024.	5,1% - 5,2%	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Điện lực GELEX
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I	150.172.776.252	Kỳ hạn vay 5,5 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 10 tháng 06 năm 2024.	3,5%	Tín chấp

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

	VND		Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	8.735.725.852	Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng từ ngày 29 tháng 03 năm 2023 đến ngày 29 tháng 03 năm 2024. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi nhận trong Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng đối với hoạt động thương mại và không quá 8 tháng đối với hoạt động sản xuất máy biến áp. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.	6,4% - 8,5%	Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đầu tư nhà máy sản xuất các loại máy biến thế điện của Công ty tại KCN Nhơn Trạch 3, tỉnh Đồng Nai; toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; các quyền tài sản của Công ty phát sinh từ các hợp đồng kinh tế mua bán máy biến áp và nguyên vật liệu phục vụ cho ngành điện sử dụng khoản vay này và hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng này.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	187.825.247.079	Kỳ hạn vay 5 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 05 năm 2024.	2,6% - 3,0%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	46.369.031.332	Kỳ hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân đối với mỗi lần nhận nợ. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 28 tháng 06 năm 2024.	5%	Đảm bảo bằng tài sản cố định là nhà máy, nhà xưởng. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 11.007.093.145 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 11.791.101.025 VND).
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	87.928.102.621	Kỳ hạn vay tối đa 06 tháng. Lãi trả hàng tháng.	4,95% - 5,1%	Phải thu từ khu đất và nhà xưởng tại KCN Long Đức
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	32.654.466.320	Kỳ hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân đối với mỗi lần nhận nợ. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 21 tháng 6 năm 2024.	5% - 6,5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	156.623.810.310	Thời hạn vay tối đa 6 tháng. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 11 tháng 06 năm 2024.	3,5% - 6,2%	Đảm bảo bằng tài sản cố định là máy móc thiết bị và tài sản gắn liền với đất. Giá trị còn lại của các tài sản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 11.014.359.383 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 17.393.386.782 VND); Nhóm Công ty thực hiện thế chấp hàng tồn kho và quyền đòi nợ theo các hợp đồng kinh tế do BIDV tài trợ vốn mà Công ty là bên cung cấp dịch vụ; Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX.
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Nai	16.190.513.525	Kỳ hạn vay từ 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước đáo hạn ngày 07 tháng 03 năm 2024.	3,5%	Tín chấp
	108.652.902.287	Kỳ hạn vay quy định tại từng khế ước nhưng không quá 07 tháng. Lãi trả hàng tháng.	3,5% - 5,2%	Hàng tồn kho và nợ phải thu hình thành từ hợp đồng vay
	118.161.944.110	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 06 năm 2024.	3,5%	Cầm cố hàng tồn kho và nợ phải thu
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa	34.007.309.283	Kỳ hạn vay tối đa 06 tháng. Lãi trả hàng tháng.	4%	Bao gồm một số tài sản cố định, bất động sản đầu tư, hàng tồn kho luân chuyển với giá trị đảm bảo là 350.000.000.000 VND và nợ phải thu của Công ty với giá trị đảm bảo là 150.000.000.000 VND.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

			Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	VND		%/năm	
Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORN-BANK - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	75.000.000.000	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 16 tháng 3 năm 2024.	3,00%	Tín chấp
	60.756.035.441	Kỳ hạn vay 06 tháng. Lãi trả hàng tháng.	3% - 3,5%	Nợ phải thu với giá trị đảm bảo là 57.500.000.000 VND
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	9.414.165.565	Kỳ hạn vay 180 ngày kể từ ngày giải ngân đối với mỗi lần nhận nợ. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 01 tháng 5 năm 2024.	5,1% - 6%	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Điện lực GELEX
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	46.170.474.478	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 19 tháng 03 năm 2024	3,00%	Cầm cố hàng tồn kho và nợ phải thu
	120.000.000.000	Kỳ hạn vay quy định tại từng khế ước. Lãi trả hàng tháng.	3,5% - 4,0%	Bao gồm một số tài sản cố định, hàng tồn kho luân chuyển và nợ phải thu của Công ty với tổng giá trị đảm bảo là 120.000.000.000 VND.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa	145.272.811.698	Kỳ hạn vay từ 3 đến 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 06 tháng 03 năm 2024	3,5% - 4%	Cầm cố hàng tồn kho và nợ phải thu
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	22.342.956.890	Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng từ ngày 25 tháng 10 năm 2023 đến ngày 25 tháng 10 năm 2024. Lãi vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 25	5%	Bất động sản, phương tiện vận tải, giấy tờ có giá tại Techcombank hoặc tổ chức tín dụng khác được Techcombank chấp nhận, các quyền đòi nợ.
	9.979.378.172	Kỳ hạn vay 6 tháng giải ngân đối với mỗi lần nhận nợ. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 10 tháng 02 năm 2024	7,20%	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Điện lực GELEX
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	147.226.960.177	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 10 tháng 04 năm 2024.	3,10% - 3,30%	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	122.000.000.000	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 20 tháng 3 năm 2024.	4%	Tín chấp

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

	VND	Lãi suất	Tài sản đảm bảo	
		%/năm		
	44.410.270.645	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 07 tháng 04 năm 2024	3,5%	Nợ phải thu đối với dư nợ vay vượt trên 100.000.000.000 VND
Ngân hàng Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	55.643.532.390	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 8 tháng 03 năm 2024	2,75%	Tín chấp
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	19.384.533.808	Kỳ hạn vay tối đa 05 tháng. Lãi trả hàng tháng.	5,5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	39.306.989.700	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 02 tháng 02 năm 2024	5,5%	Hàng tồn kho, nợ phải thu và tín chấp
Tổng cộng	2.867.120.190.375			

25. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm			Trong năm		Số cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm do thoái vốn tại công ty con	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trái phiếu phát hành (i)	235.561.700.843	235.561.700.843	-	4.438.299.157	240.000.000.000	-	-
Vay ngân hàng (ii)	3.848.643.272.229	3.848.643.272.229	(1.775.754.467.312)	141.516.760.710	1.350.886.693.621	863.518.872.006	863.518.872.006
Vay các bên liên quan (iii) (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	1.060.625.000.000	1.060.625.000.000	-	-	688.500.000.000	372.125.000.000	372.125.000.000
Vay đối tượng khác	15.000.000.000	15.000.000.000	-	30.000.000.000	45.000.000.000	-	-
	5.159.829.973.072	5.159.829.973.072	(1.775.754.467.312)	175.955.059.867	2.324.386.693.621	1.235.643.872.006	1.235.643.872.006

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Chi tiết các khoản trái phiếu như sau:

	VND	Số dư đầu năm	Ngày đáo hạn
	VND		
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	-	400.000.000.000	Tháng 12 năm 2026. Gốc trái phiếu đã được mua lại trước hạn toàn bộ trong năm 2023.
Chi phí phát hành trái phiếu	-	(4.438.299.157)	
	-	395.561.700.843	
Trong đó:			
- Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	-	160.000.000.000	
- Trái phiếu dài hạn	-	235.561.700.843	

(ii) Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Đơn vị	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Ngày đáo hạn và kỳ trả lãi	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	VND	VND		%/năm	
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Hội sở chính	1.096.125.470.514	1.356.125.470.514	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng Kỳ hạn vay 3 năm. Lãi vay trả 3 tháng/lần. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2024 ngày 07 tháng 04 năm 2024	8,52% - 8,54%	65.400.000 cổ phiếu VGC (Tổng Công ty Viglacera - CTCP) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX. Cam kết thanh toán và bảo lãnh bởi CTCP Tập đoàn GELEX.
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	523.084.823.000	629.464.823.000	Lãi vay được trả hàng tháng. Gốc vay thanh toán theo lịch trả nợ với thời hạn thanh toán cuối cùng là ngày 24 tháng 11 năm 2028	6,9% - 10%	Các tài sản của công trình Thủy điện Sông Bung 4A
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	110.139.647.059	150.202.052.302	Kỳ hạn vay 72 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 16 tháng 8 năm 2027	8,3% - 10,2%	Công trình "Nhà máy sản xuất dây đồng" và các công trình phụ trợ theo Giấy phép xây dựng số 162/GPXD do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Ban Quản lý các Khu Công nghiệp cấp ngày 28 tháng 7 năm 2021; các máy móc thiết bị hình thành trong tương lai (bao gồm cả các dây chuyền máy được di dời đến); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 391509 với thời hạn sử dụng đất đến ngày 27 tháng 5 năm 2046 có địa chỉ tại Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai; các quyền tài sản phát sinh; bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	123.102.282.133	169.265.637.925	Kỳ hạn vay 60 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 20 tháng 08 năm 2026	6,80%	Phải thu từ khu đất và nhà xưởng mới tại KCN Long Đức

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Ngày đáo hạn và kỳ trả lãi	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	VND	VND		%/năm	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	114.843.008.000	143.553.760.000	Kỳ hạn vay 84 tháng. Trả gốc và lãi vay định kỳ hàng quý. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 06 tháng 11 năm 2027	8,5% - 10,0%	Toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại các Dự án Điện mặt trời mái nhà. Quyền đòi nợ phát sinh từ EVN theo Hợp đồng mua bán điện ký giữa GELEX và EVN. Thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX và Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX.
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	85.724.568.423	108.584.453.343	Kỳ hạn vay 84 tháng nhằm mục đích tài trợ cho dự án “Cadivi Tower”. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ quý thứ 9 kể từ ngày rút vốn đầu tiên với mỗi lần tương đương 5% giá trị nợ gốc đến ngày 30 tháng 6 năm 2027. Lãi vay được trả hàng quý	5,7%/năm cộng với chi phí vốn của Ngân hàng từ năm thứ 1 đến năm thứ 3 và 4,7%/năm cộng với chi phí vốn của Ngân hàng từ năm thứ 4 đến năm thứ 7	Quyền sử dụng đất và tài sản tại 70 – 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa và Thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.
	60.763.104.158	95.294.692.435	Kỳ hạn vay 72 tháng nhằm mục đích tài trợ cho dự án “Nâng cao năng lực sản xuất cấp trung thế ngầm tại Nhà máy Cadivi Sài Gòn”, dự án “Sản xuất sản phẩm mới cấp nhôm siêu nhiệt” và dự án “Nhà máy Cadivi Miền Bắc - giai đoạn 1”. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ quý thứ 5 kể từ ngày rút vốn đầu tiên, mỗi lần tương ứng với 5,25% giá trị nợ gốc đến ngày 13 tháng 10 năm 2025. Lãi vay được trả hàng quý	3,25% cộng với chi phí vốn của Ngân hàng	Máy móc, thiết bị tại nhà máy Miền Bắc, Cadivi Sài Gòn, Cơ sở 2 – Cadivi Miền Đông, tất cả các khoản thanh toán hiện tại và tương lai tại Ngân hàng và Thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
Ngân hàng TNHH Standard Chartered (Việt Nam)	38.692.820.799	84.340.864.943	Kỳ hạn 84 tháng nhằm mục đích tài trợ cho chi phí vốn bao gồm nhưng không giới hạn cho: Dự án mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất của nhà máy hiện tại; dự án Xây dựng nhà máy tạo hạt PVC mới. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ quý thứ 05 kể từ ngày rút vốn đầu tiên, bắt đầu trả từ 6,5% giá trị nợ gốc rồi giảm dần xuống 1,81% đến ngày 11 tháng 12 năm 2026. Lãi vay được trả hàng quý	3,25%/năm cộng chi phí vốn của Ngân hàng	Nhà xưởng số 1, 2 và 3; Tất cả máy móc, thiết bị, nhà xưởng thuộc dự án PVC và dự án mở rộng nhà máy tại Khu công nghiệp Long Thành Đồng Nai; Tất cả các khoản thanh toán hiện tại và tương lai tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam); Quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất là Toà nhà Cadivi Tower tại 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa của Công ty; được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX để thế chấp cho khoản vay này
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	35.928.145.035	53.892.217.553	Kỳ hạn vay 72 tháng. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 25 tháng 5 năm 2020 tới ngày 18 tháng 10 năm 2025. Lãi vay được trả hàng tháng	2% cộng với lãi suất huy động bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng TMCP trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Máy móc, thiết bị tại nhà máy Cadivi Miền Trung, Khu công nghiệp Hòa Cầm; Quyền sử dụng đất thuê tại đường số 2, Khu Công nghiệp Hòa Cầm, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Ngày đáo hạn và kỳ trả lãi	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	VND	VND		%/năm	
Ngân hàng HONGLEONG	46.236.684.695	-	Kỳ hạn vay 72 tháng. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 20 tháng 5 năm 2024 đến 20 tháng 4 năm 2029. Lãi vay được trả hàng quý	2% cộng với chi phí vốn của Ngân hàng. Công ty được hỗ trợ 2% lãi suất theo Nghị định số 31/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ	Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc, thiết bị hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh	8.245.957.776	9.981.948.888	Kỳ hạn vay 84 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng từ ngày 30 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 7 năm 2022.	9,50%	Quyền tài sản và lợi ích phát sinh từ "Dự án mở rộng nhà xưởng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 3 và mua sắm thiết bị"
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1	11.473.062.620	3.336.330.409	Kỳ hạn 84 tháng, bắt đầu từ ngày 30 tháng 12 năm 2022, thời gian ân hạn 18 tháng, trả lãi 3 tháng/lần	8% - 9%	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1	6.638.414.507	-	Kỳ hạn tối đa 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên	8,80%	Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng lưới điện cung cấp, khai thác, sử dụng quản lý vận hành hệ thống điện trung thế KCN Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên với tổng tài sản là 24.917.591.991 VND.
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	8.074.692.380	-	Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 10 năm 2026.	7,0% - 7,5%	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Điện lực GELEX
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	-	1.080.341.978.940			
Ngân hàng Landesbank Baden - Wurttemberg	-	880.993.297.602			
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Anh	-	3.979.849.293			
	2.269.072.681.099	4.769.357.377.147			
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	1.405.553.809.093	920.714.104.918			
Vay dài hạn	863.518.872.006	3.848.643.272.229			

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

(iii) Chi tiết các khoản vay bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Ngày đáo hạn và kỳ trả lãi	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	VND	VND		%/năm	
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	460.625.000.000	1.134.375.000.000	Thời hạn vay 120 tháng. Trả gốc và lãi vay định kỳ hàng quý. Khế ước cuối cùng đáo hạn vào tháng 12 năm 2029	9,5%	Tín chấp
Tổng cộng	460.625.000.000	1.134.375.000.000			
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	88.500.000.000	73.750.000.000			
Vay dài hạn	372.125.000.000	1.060.625.000.000			

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn và gốc trái phiếu phát hành (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu) được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.494.053.809.093	1.154.464.104.918
Trong năm thứ hai	410.051.577.761	2.088.856.859.188
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	805.155.460.010	1.765.590.404.039
Sau năm năm	20.436.834.235	1.305.382.709.845
	2.729.697.681.099	6.314.294.077.990
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	1.494.053.809.093	1.154.464.104.918
Số phải trả sau 12 tháng	1.235.643.872.006	5.159.829.973.072

26. Dự phòng phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	66.469.022.789	76.745.966.681
Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	8.039.058.550	11.452.844.511
	74.508.081.339	88.198.811.192
b. Dài hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	61.418.159.768	71.193.481.940
Dự phòng phải trả dài hạn khác	1.887.825.344	2.158.766.165
	63.305.985.112	73.352.248.105

27. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lợi nhuận chưa thực hiện khác	9.316.835.145	6.030.700.632
Trích lập các khoản dự phòng	9.885.648.404	5.640.585.973
Chi phí lãi vay không được trừ	6.511.107.458	3.742.412.347
Các khoản khác	623.440.842	687.531.244
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.337.031.849	16.101.230.196
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chênh lệch đánh giá lại tài sản do hợp nhất kinh doanh	6.470.160.639	6.451.798.811
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	6.470.160.639	6.451.798.811

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

27. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Số dư đầu năm trước			Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	3.000.000.000.000	835.287.500.000	525.863.463.548	5.000.000.000	858.116.806.206	759.258.275.912	5.983.526.045.666
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	880.462.911.763	91.142.019.801	971.604.931.564
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(780.000.000.000)	(106.067.442.500)	(886.067.442.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(8.625.261.056)	(927.291.217)	(9.552.552.273)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con	-	-	-	-	(39.340.214.521)	(100.068.585.479)	(139.408.800.000)
Công ty con tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	9.555.774.371	66.252.102.994	75.807.877.365
Thành lập công ty con	-	-	-	-	-	4.900.000.000	4.900.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	(265.782.727)	(119.885.089)	(385.667.816)
Số dư cuối năm trước	3.000.000.000.000	835.287.500.000	525.863.463.548	5.000.000.000	919.904.234.036	714.369.194.422	6.000.424.392.006
Công ty con tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	15.120.000.000	15.120.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	745.377.314.586	47.292.552.505	792.669.867.091
Cổ tức công bố (i)	-	-	-	-	(600.000.000.000)	(148.670.482.050)	(748.670.482.050)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	(6.866.741.125)	(1.120.029.268)	(7.986.770.393)
Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	5.573.746.147	(107.617.423.463)	(102.043.677.316)
Thoái vốn tại công ty con	-	-	10.346.450.443	-	(10.346.450.443)	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	1.856.912.129	(1.856.912.129)	-
Số dư cuối năm nay	3.000.000.000.000	835.287.500.000	536.209.913.991	5.000.000.000	1.055.499.015.330	517.516.900.017	5.949.513.329.338

(i) Cổ tức công bố trong năm bao gồm:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCD ngày 19 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua việc Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 với số tiền là 600 tỷ VND, tương ứng 20% vốn điều lệ. Công ty đã tạm ứng cổ tức 2 đợt bằng tiền theo các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 48/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 11 năm 2022 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ tương đương với 300 tỷ VND và số 09/2023/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 3 năm 2023 với tỷ lệ 5% vốn điều lệ tương đương với 150 tỷ VND. Công ty đã chi trả phần còn lại cổ tức năm 2022 bằng tiền theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 30/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 7 năm 2023 với tỷ lệ 5% vốn điều lệ tương đương với 150 tỷ VND.

- Cổ tức tạm ứng đợt 1 năm 2023 được Công ty thực hiện tạm ứng theo Nghị quyết số 38/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2023 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ tương đương với 300 tỷ VND.

- Chia cổ tức năm 2022 và tạm ứng năm 2023 tại các công ty con theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị của các công ty con này.

(ii) Theo nội dung phê duyệt tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và các công ty con, Nhóm Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000.000	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000.000	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 9 ngày 15 tháng 11 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 3.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.399.956.000.000	80,0%	2.399.956.000.000	80,0%
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	165.000.000.000	5,5%	165.000.000.000	5,5%
Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú	220.000.000.000	7,3%	-	0,0%
Các cổ đông khác	215.044.000.000	7,2%	435.044.000.000	14,5%
	3.000.000.000.000	100%	3.000.000.000.000	100%

29. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

		Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại	Đơn vị		
Đô la Mỹ	USD	1.437.433	1.183.305
Euro	EUR	1.462	41.069
Đô la Úc	AUD	577	150
		Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng giữ hộ	Cái		
Máy biến áp		163	235

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	15.118.349.124.412	13.788.814.245.277
Doanh thu bán hàng hóa	721.006.015.968	2.008.285.684.719
Doanh thu bán điện	712.454.432.655	783.667.495.017
Doanh thu cung cấp dịch vụ	166.813.372.549	215.085.432.393
Doanh thu khác	38.914.186.603	26.970.822.617
	16.757.537.132.187	16.822.823.680.023
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	145.148.967.724	150.655.634.787
Hàng bán bị trả lại	5.119.637.950	7.432.912.622
Giảm giá hàng bán	-	62.595.000
	150.268.605.674	158.151.142.409
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.607.268.526.513	16.664.672.537.614
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	47.708.834.464	16.617.554.028

31. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm	13.357.549.593.112	11.997.542.148.812
Giá vốn bán hàng hóa	655.738.637.736	1.953.195.977.967
Giá vốn bán điện	385.793.656.387	431.283.520.443
Giá vốn cung cấp dịch vụ	146.072.859.173	148.867.796.821
Giá vốn khác	22.062.417.483	8.774.645.696
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	14.120.057.410	11.017.626.389
	14.581.337.221.301	14.550.681.716.128

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.169.625.149.118	12.193.812.801.031
Chi phí nhân công	584.843.416.800	589.727.700.918
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và lợi thế thương mại phân bổ	582.175.378.022	632.939.301.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	453.772.655.530	498.788.361.808
Chi phí khác bằng tiền	339.435.285.818	347.890.211.035
	14.129.851.885.288	14.263.158.376.359

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi bán các khoản đầu tư	285.042.588.060	503.981.331.314
Cổ tức, lợi nhuận được chia	144.254.464.000	181.608.123.100
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	55.960.132.030	55.582.880.276
Lãi chênh lệch tỷ giá	50.015.381.003	35.342.385.784
Lãi nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro biến động giá nguyên vật liệu	36.240.028.807	13.745.919.980
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	86.770.611	43.584.568.793
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	6.491.835.565
Doanh thu hoạt động tài chính khác	67.138.167	286.590.739
	571.666.502.678	840.623.635.551

34. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	571.506.439.315	704.344.562.970
Chi phí lãi mua hàng trả chậm và phí LC UPAS	184.154.612.106	217.128.839.567
Lỗ chênh lệch tỷ giá	75.011.676.578	89.404.167.806
Lỗ nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro biến động giá nguyên vật liệu	31.667.148.146	83.236.048.627
Chi phí phát hành trái phiếu	4.438.299.157	11.847.548.986
Chi phí tài chính khác	34.252.025.353	22.481.877.222
	901.030.200.655	1.128.443.045.178

35. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	86.268.975.736	85.276.063.322
Chi phí nguyên liệu, vật liệu (Hoàn nhập) dự phòng bảo hành	39.977.322.512 (18.381.197.296)	43.097.377.677 (114.925.286)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.781.870.750	6.682.762.962
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.091.899.076	120.469.758.840
Chi phí khác	101.990.919.581	93.333.801.788
	327.729.790.359	348.744.839.303
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	183.830.417.859	181.964.306.462
Phân bổ lợi thế thương mại	29.503.444.409	29.503.444.409
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.143.235.794	23.527.892.566
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	18.215.695.238	(11.919.352.509)
Chi phí khác	90.018.259.025	110.581.518.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.531.736.530	74.580.757.882
	420.242.788.855	408.238.567.370

36. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm	184.637.766.680	140.747.641.889
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(10.217.439.825)	8.001.521.170
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	174.420.326.855	148.749.163.059

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	745.377.314.586	880.462.911.763
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (i)	-	(6.866.741.125)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	745.377.314.586	873.596.170.638
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	300.000.000	300.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.485	2.912

(i) Theo quy định tại Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế cần được loại ra khỏi lợi nhuận sau thuế khi ước tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được xác định trên cơ sở loại trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 được trích lập theo phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ và các công ty con trong năm 2023.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được điều chỉnh như sau:

	Năm trước	
	Số báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	880.462.911.763	880.462.911.763
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	(6.866.741.125)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	880.462.911.763	873.596.170.638
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	300.000.000	300.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.935	2.912

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

38. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	Công ty liên kết
Công ty TNHH S.A.S. - CTAMAD	Công ty liên kết
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty sứ Viglacera Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera- CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bê tông khí Viglacera	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch ốp lát Viglacera	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	Cổ đông/Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần GVI	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	Bên liên quan của thành viên HĐQT đến ngày 16 tháng 4 năm 2023 (*)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.708.834.464	16.617.554.028
Công ty Cổ phần GVI	16.800.028.661	-
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	13.121.977.000	7.580.363.400
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	7.963.201.403	1.161.558.158
Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	7.069.931.000	7.069.931.000
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị	1.921.141.750	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	492.648.660	460.544.470
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	205.605.990	-
Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long	51.000.000	86.500.000
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	34.000.000	-
Công ty sử dụng Viglacera Bình Dương- Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera- CTCP	34.000.000	1.800.000
Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	15.300.000	218.857.000
Công ty Cổ phần Bê tông khí Viglacera	-	38.000.000
Giá trị mua hàng hóa và dịch vụ được cung cấp	2.560.264.565.856	2.419.753.596.536
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.557.125.950.772	2.377.277.618.336
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	1.769.761.000	40.504.078.034
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	1.045.478.008	937.928.775
Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	246.172.295	228.261.413
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	27.203.781	645.178.074
Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch ốp lát Viglacera	-	160.531.904
Cổ tức, lợi nhuận được chia	158.014.456.000	181.608.123.100
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	66.653.190.000	113.316.487.500
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	61.425.000.000	44.027.224.600
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	29.936.266.000	24.264.411.000

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức đã trả	527.991.200.000	686.388.560.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	479.991.200.000	623.988.560.000
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	33.000.000.000	42.900.000.000
Công ty Cổ phần GVI	15.000.000.000	19.500.000.000
Cho vay	1.100.000.000.000	110.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.100.000.000.000	110.000.000.000
Thu hồi gốc cho vay	950.000.000.000	390.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	950.000.000.000	390.000.000.000
Lãi cho vay	7.472.054.795	9.620.821.920
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	7.472.054.795	9.620.821.920
Đi vay	160.000.000.000	1.360.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	160.000.000.000	1.360.000.000.000
Trả gốc đi vay	833.750.000.000	1.633.750.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	833.750.000.000	1.633.750.000.000
Lãi đi vay	83.367.089.038	87.861.939.210
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	83.367.089.038	87.861.939.210
Lãi mua hàng trả chậm/lãi gia hạn thanh toán	2.797.357.569	36.427.127.828
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.797.357.569	36.427.127.828
Lãi trái phiếu thương mại nhận được	-	30.205.479.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	-	30.205.479.000
Nhận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	600.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	600.000.000.000	-
Bù trừ khoản đặt cọc - phải thu chuyển nhượng cổ phần	600.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	600.000.000.000	-
Chuyển nhượng khoản đầu tư	1.270.528.062.534	1.240.000.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	1.270.528.062.534	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	720.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	-	520.000.000.000

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu tiền nhận chuyển nhượng khoản đầu tư	850.000.000.000	1.240.000.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	850.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	720.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	-	520.000.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	440.916.790.269	2.569.982.770
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	420.528.062.534	-
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	10.525.836.880	590.663.800
Công ty Cổ phần GVI	5.879.176.395	-
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị	2.074.833.090	-
Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	1.908.881.370	1.908.881.370
Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	-	70.437.600
Trả trước cho người bán	-	1.076.012.697
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	1.048.512.697
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	-	27.500.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	150.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	150.000.000.000	-
Phải thu khác	349.315.068	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	349.315.068	-
Phải trả người bán ngắn hạn	168.583.669.391	130.129.107.359
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	150.173.507.565	92.106.174.396
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	18.410.161.826	38.013.562.772
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	-	9.370.191

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả người bán dài hạn	-	9.259.078.400
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	-	9.259.078.400
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.628.671.199	19.637.257.627
Công ty Cổ phần GVI	8.628.671.199	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	-	19.637.257.627
Phải trả khác	2.600.000.003	10.958.904.109
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.600.000.003	10.958.904.109
Vay dài hạn đến hạn trả	88.500.000.000	73.750.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	88.500.000.000	73.750.000.000
Vay dài hạn	372.125.000.000	1.060.625.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	372.125.000.000	1.060.625.000.000
Chi phí phải trả	-	25.085.729
Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	-	25.085.729

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm nay
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị (i)	3.005.000.000	5.600.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác (ii)	2.206.625.000	2.058.622.725
Thù lao Ban kiểm soát (iii)	240.000.000	240.000.000
	5.451.625.000	7.898.622.725

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Bao gồm thù lao, lương và các khoản thu nhập khác của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, cụ thể như sau:

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị		720.000.000	720.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Nguyễn Trọng Trung	Thành viên HĐQT	120.000.000	80.000.000
Đỗ Duy Hưng	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Đặng Phan Tường	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Lê Bá Thọ	Thành viên HĐQT từ ngày 19 tháng 4 năm 2023	80.000.000	-
Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên HĐQT đến ngày 19 tháng 4 năm 2023	40.000.000	120.000.000
Lê Quang Định	Thành viên HĐQT đến ngày 15 tháng 4 năm 2022	-	40.000.000
Lương và các khoản thu nhập khác		2.285.000.000	4.880.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	20.000.000	20.000.000
Đỗ Duy Hưng	Thành viên HĐQT	620.000.000	1.520.000.000
Đặng Phan Tường	Thành viên HĐQT	1.025.000.000	1.520.000.000
Lê Bá Thọ	Thành viên HĐQT từ ngày 19 tháng 4 năm 2023	20.000.000	-
		600.000.000	1.820.000.000
Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên HĐQT đến ngày 19 tháng 4 năm 2023		
Tổng cộng		3.005.000.000	5.600.000.000

(ii) Bao gồm tiền lương và thu nhập khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, cụ thể như sau:

Lương và thu nhập khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Nguyễn Trọng Trung	Tổng Giám đốc	440.000.000	431.000.000
Các thành viên quản lý khác		1.766.625.000	1.627.622.725
		2.206.625.000	2.058.622.725

(iii) Thù lao của từng thành viên trong Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, cụ thể như sau:

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Thù lao Ban Kiểm soát			
Đào Viết Đĩnh	Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 19 tháng 4 năm 2023	80.000.000	-
Nguyễn Thị Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát đến ngày 19 tháng 4 năm 2023	40.000.000	120.000.000
Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bùi Thị Trang	Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 19 tháng 4 năm 2023	40.000.000	-
Tiêu Thị Dung	Thành viên Ban Kiểm soát đến ngày 19 tháng 4 năm 2023	20.000.000	60.000.000
		240.000.000	240.000.000

39. Báo cáo bộ phận

Nhóm Công ty chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện;
- Sản xuất và kinh doanh năng lượng điện;
- Các lĩnh vực kinh doanh khác.

Nhóm Công ty không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Nhóm Công ty hoạt động trong bộ phận chia theo vùng địa lý phần lớn là lãnh thổ Việt Nam.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

		Sản xuất và kinh doanh năng lượng điện	Khác	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	15.855.899.907.255	712.454.432.655	38.914.186.603	16.607.268.526.513
Kết quả				
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(14.173.481.147.431)	(385.793.656.387)	(22.062.417.483)	(14.581.337.221.301)
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	1.682.418.759.824	326.660.776.268	16.851.769.120	2.025.931.305.212
Chi phí không phân bổ				(1.058.841.111.266)
Lợi nhuận thuần trước thuế				967.090.193.946
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(174.420.326.855)
Lợi nhuận thuần sau thuế				792.669.867.091
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	6.516.293.152.363	2.123.478.774.145	130.231.517.835	8.770.003.444.343
Tài sản không phân bổ				4.952.928.986.621
Tổng tài sản				13.722.932.430.964
Nợ phải trả bộ phận	5.514.843.129.134	1.129.318.096.691	85.724.568.423	6.729.885.794.248
Nợ phải trả không phân bổ				1.041.166.801.801
Tổng nợ phải trả				7.771.052.596.049

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

		Sản xuất và kinh doanh năng lượng điện	Khác	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	15.854.034.219.980	783.667.495.017	26.970.822.617	16.664.672.537.614
Kết quả				
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(14.110.623.549.989)	(431.283.520.443)	(8.774.645.696)	(14.550.681.716.128)
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	1.743.410.669.991	352.383.974.574	18.196.176.921	2.113.990.821.486
Chi phí không phân bổ				(993.636.726.863)
Lợi nhuận thuần trước thuế				1.120.354.094.623
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(148.749.163.059)
Lợi nhuận thuần sau thuế				971.604.931.564
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	8.463.799.057.129	5.325.368.126.563	139.231.876.837	13.928.399.060.529
Tài sản không phân bổ				3.491.224.099.497
Tổng tài sản				17.419.623.160.026
Nợ phải trả bộ phận	6.920.810.142.198	3.272.112.603.467	108.584.453.343	10.301.507.199.008
Nợ phải trả không phân bổ				1.114.672.521.734
Tổng nợ phải trả				11.416.179.720.742

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

40. Các khoản cam kết

Tài sản thuê ngoài

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	26.614.771.912	30.438.986.820
Trên 1 năm đến 5 năm	87.718.454.482	115.787.858.282
Trên 5 năm	331.332.276.239	364.293.690.734
	445.665.502.633	510.520.535.836

41. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam (“CADIVI”) - công ty con của, Hội đồng Quản trị của CADIVI đã thông qua việc thành lập công ty con là Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc có vốn điều lệ là 200.000.000.000 VND với tỷ lệ góp vốn là 100%. Ngày 05 tháng 01 năm 2024, Cadivi đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 230127037 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 03 tháng 01 năm 2024 cho công ty con này.

Theo Nghị Quyết số 01/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 01 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2023 với số tiền 150 tỷ VND tương đương với 5% vốn điều lệ. Tại ngày 02 tháng 02 năm 2024, Công ty đã thanh toán tiền tạm ứng cổ tức này cho các cổ đông.

Trịnh Thị Hằng Phương
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Phụ lục 01: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty;
Hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX (GELEX)	Công ty mẹ	0100100512	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam	Năm 2023	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2021/GE/INQ-HĐQT, ngày 04/01/2022 - NQ số 42/2021/GE/INQ-HĐQT, ngày 02/06/2021 - NQ số 23/2022/GE/INQ-HĐQT, ngày 02/06/2022 - NQ số 59/2022/GE/INQ-HĐQT, ngày 27/12/2022 - NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 19/4/2023 - NQ số 09/2023/GE/INQ-HĐQT, ngày 16/03/2023	Doanh thu cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ Cổ tức đã trả Đi vay Trả tiền vay Lãi đi vay Cho vay Thu hồi gốc cho vay Lãi cho vay Thế chấp tài sản cho nghĩa vụ nợ của GELEX Nhận bảo lãnh từ GELEX (giá trị tối đa) 49.000.000 USD
2	Công ty Cổ phần Hạ tầng đoàn GELEX	Cùng đơn vị	0107652657	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam	Năm 2023	- NQ số 83/2021/GE/INQ-HĐQT, ngày 04/01/2022 - NQ số 59/2022/GE/INQ-HĐQT, ngày 27/12/2022 - NQ số 27/2023/GE/INQ-HĐQT, ngày 22/06/2023 - NQ số 35/2023/GE/INQ-HĐQT, ngày 18/08/2023	Doanh thu cung cấp dịch vụ Cổ tức nhận được Nhận đặt cọc tiền chuyển nhượng khoản đầu tư Chuyển nhượng khoản đầu tư Bù trừ khoản đặt cọc – phải thu chuyển nhượng khoản đầu tư Hạ tầng sử dụng tài sản để thế chấp cho nghĩa vụ nợ của GEE 180.000.000 66.653.190.000 600.000.000.000 1.270.528.062.534 600.000.000.000 65.400.000 cổ phiếu VGC

Phụ lục 01: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty;
Hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
3	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI)	Công ty con	300381564; 16/01/2020; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. HCM	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2023	- NQ số 83/2021/GE/INQ-HĐQT, ngày 04/01/2022 - NQ số 59/2022/GE/INQ-HĐQT, ngày 27/12/2022	Doanh thu cung cấp dịch vụ Thu hộ, chi hộ chi phí triển lãm ETE Mua dịch vụ Cổ tức nhận được 36.000.000 69.440.000 1.505.415.036 776.278818.000
4	Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con	3603058326; 03/01/2024; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Đường số 1, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Năm 2023	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2021/GE/INQ-HĐQT, ngày 04/01/2022 - NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 19/4/2023 - NQ số 59/2022/GE/INQ-HĐQT, ngày 27/12/2022	Doanh thu bán hàng hóa Doanh thu cung cấp dịch vụ Thu hộ, chi hộ chi phí triển lãm ETE Trả gốc đặt cọc Lãi đặt cọc Cổ tức nhận được Đi vay Trả tiền vay Lãi đi vay Cho vay Thu hồi gốc cho vay 1.180.825.549.846 36.000.000 69.440.000 1.505.415.036 776.278818.000
5	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (THIBIDI)	Công ty con	3600253826; 04/01/2024; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	KCN Biên Hoà 1-Đường số 9- Phường An Bình-TP Biên Hoà-Tỉnh Đồng Nai-Việt Nam	Năm 2023	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2021/GE/INQ-HĐQT, ngày 04/01/2022 - NQ số 42/2021/GE/INQ-HĐQT, ngày 02/06/2021 - NQ số 59/2022/GE/INQ-HĐQT, ngày 27/12/2022	Doanh thu bán hàng hóa Doanh thu cung cấp dịch vụ Thu hộ, chi hộ chi phí triển lãm ETE Trả gốc đặt cọc Lãi đặt cọc Cổ tức nhận được Đi vay Trả tiền vay Lãi đi vay Cho vay Thu hồi gốc cho vay 36.653.902.651 36.000.000 69.440.000 200.000.000.000 10.171.232.877 46.778.427.000 10.000.000.000 10.000.000.000 123.287.671 535.000.000.000 310.000.000.000

Phụ lục 01: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; Hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
6	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội ("HEM")	Công ty con	0100100456; Cấp ngày 03/10/2022; Nơi cấp: Sở KH&ĐT Hà Nội	Km12, Đường Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Năm 2023	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2021/GE/NQ-HĐQT, ngày 04/01/2022 - NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT, ngày 02/06/2021 - NQ số 59/2022/GE/NQ-HĐQT, ngày 27/12/2022	Lãi cho vay 18.692.054.794 Electric bảo lãnh cho hạn mức tín dụng của THIBIDI tại ngân hàng 200.000.000.000 Doanh thu bán hàng hóa 18.370.426.428 Doanh thu cung cấp dịch vụ 9.000.000 Thu hộ, chi hộ chi phí triển lị ETE 69.440.000 Cổ tức nhận được 103.897.206.000 Đi vay 10.000.000.000 Trả tiền vay 80.000.000.000 Lãi đi vay 7.835.616.443 Electric bảo lãnh cho nghĩa 430.000.000.000 VND; nợ của HEM tại ngân hàng 1.500.000 USD
7	Công ty cổ phần Thiết bị đo điện EMIC ("EMIC")	Công ty con	0108453005; Cấp ngày 03/01/2023; Nơi cấp: Sở KH&ĐT Hà Nội	Tầng 23, Tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Năm 2023	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT, ngày 02/06/2021 - NQ số 83/2021/GE/NQ-HĐQT, ngày 04/01/2022 - NQ số 24/2022/GE/NQ-HĐQT, ngày 21/06/2022 - NQ số 25/2022/GE/NQ-HĐQT, ngày 21/06/2022 - NQ số 59/2022/GE/NQ-HĐQT, ngày 27/12/2022	Doanh thu bán hàng hóa 4.318.457.954 Doanh thu cung cấp dịch vụ 36.000.000 Các khoản chi hộ liên quan đến SAP 1.184.145.464 Thu hộ, chi hộ chi phí triển lị ETE 69.440.000 Mua hàng hóa và dịch vụ 802.134.013.450 Mua TSCĐ 2.910.827.500 Đi vay 320.000.000.000 Trả tiền vay 250.000.000.000 Lãi đi vay 10.257.006.849 Cổ tức nhận được 168.727.500.000

Phụ lục

Tổng quan về GELEX ELECTRIC

Bảo cáo và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảo cáo của Hội đồng Quản trị

Quản trị Công ty

Bảo cáo phát triển bền vững

Bảo cáo tài chính hợp nhất

Phụ lục 01: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; Hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
8	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")	Công ty con	3600241669; Cấp ngày 22/03/2022; Nơi cấp: Sở KH&ĐT Đồng Nai	Đường D3-3, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2023	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2021/GE/NQ-HĐQT, ngày 04/01/2022 - NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT, ngày 02/06/2021 - NQ 27/2022/GE/NQ-HĐQT, ngày 27/6/2022 - NQ số 59/2022/GE/NQ-HĐQT, ngày 27/12/2022 - NQ số 17/2023/GE/NQ-HĐQT, ngày 12/05/2023	Electric bảo lãnh cho nghĩa vụ nợ của EMIC tại ngân hàng 500.000.000.000 VND Doanh thu bán hàng hóa 204.146.591.366 Lãi bán hàng trả chậm 148.170.186 Các khoản chi hộ 965.407.074 Thu hồi gốc cho vay 400.000.000.000 Cho vay 30.000.000.000 Lãi cho vay 14.923.561.644 Lợi nhuận thu về 50.000.000.000 Electric bảo lãnh cho hạn mức tín dụng của CFT tại Ngân hàng 400.000.000.000
9	Công ty cổ phần sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE ("MEE")	Công ty con	0106061404; Cấp ngày 02/01/2024; Nơi cấp: Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 69, tổ 15, Thị trấn Đồng Anh, Huyện Đồng Anh, Thành phố Hà Nội	Năm 2023	- NQ số 59/2022/GE/NQ-HĐQT, ngày 27/12/2022 - NQ số 42/2023/GE/NQ-HĐQT, ngày 12/10/2023 - NQ số 24/2023/GE/NQ-HĐQT, ngày 06/06/2023	Doanh thu bán hàng hóa 41.720.203.320 Mua cổ phần phát hành thêm: 59.025.000.000 Electric bảo lãnh cho hạn mức tín dụng của MEE tại các Ngân hàng 80.000.000.000

Phụ lục 01: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; Hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	
10	Công ty TNHH Phát điện GELEX	Công ty con	0107919237; cấp ngày 13/01/2022; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Năm 2023	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2022/GE/NQ-HĐQT, ngày 04/01/2022 - NQ số 59/2022/GE/NQ-HĐQT, ngày 27/12/2022	Trả tiền vay Lãi đi vay Lợi nhuận thu về	30.000.000.000 1.199.999.999 121.308.471.800
11	Công ty Cổ phần Thanh Mỹ	Công ty con	4000455251; cấp ngày 06/01/2022; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Năm 2023	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2021/GE/NQ-HĐQT, ngày 04/01/2022 - NQ số 59/2022/GE/NQ-HĐQT, ngày 27/12/2022	Trả tiền vay Lãi đi vay	20.000.000.000 78.904.110
12	Công ty TNHH Năng lượng Gelex Quảng Trị	Công ty con	3200685620 cấp ngày 29/09/2023; Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị	Thôn Xa Bai, xã Hường Linh, huyện Hòa Hóa, tỉnh Quảng Trị	Năm 2023	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2022/GE/NQ-HĐQT, ngày 04/01/2022 - NQ số 59/2022/GE/NQ-HĐQT, ngày 27/12/2022	Bảo lãnh nghĩa vụ nợ của Gelex Quảng Trị	126.900.000.000

Phụ lục

Tổng quan về GELEX ELECTRIC

Bảo cáo và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảo cáo của Hội đồng Quản trị

Quản trị Công ty

Bảo cáo phát triển bền vững

Bảo cáo tài chính hợp nhất

Phụ lục 01: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; Hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	
13	Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX (GETC)	Công ty con	0109975082 cấp lần đầu ngày 22/04/2022; thay đổi lần 02 ngày 18/11/2024; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội, Việt Nam	Năm 2023	- NQ số 59/2022/GE/NQ-HĐQT, ngày 27/12/2022 - NQ số 04/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 07/02/2023	Góp vốn Cung cấp dịch vụ Electric bảo lãnh cho nghĩa vụ nợ của GETC tại Ngân hàng tương ứng tỷ lệ sở hữu	15.045.000.000 27.000.000 20.000.000.000
14	Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	Bên liên quan của thành viên HĐQT	0100231314 cấp ngày 17/09/1992; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Số 149D Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội	Năm 2023	- NQ số 09/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 16/03/2023 - NQ số 30/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 11/7/2023 - NQ số 38/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 30/8/2023	Cổ tức đã trả	33.000.000.000
15	Công ty Cổ phần GVI	Bên liên quan của thành viên HĐQT	0109355628 cấp ngày 25/09/2020; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Số 19 phố Đinh Núp, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Năm 2023	- NQ số 09/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 16/03/2023 NQ số 30/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 11/7/2023 - NQ số 38/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 30/8/2023	Cổ tức đã trả	15.000.000.000

Phụ lục 02: Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Người có liên quan của người nội bộ	CT HDQT; TV HDQT; TGD	0100100512 cấp ngày 28/12/2021 nơi cấp Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	Năm 2023	Cadivi Mua hàng hóa, dịch vụ Cadivi bán thành phẩm Cadivi cho thuê văn phòng CFT Mua vật tư CFT trả lãi gia hạn thanh toán Cadivi ĐN mua hàng hóa, dịch vụ Emic Mua vật tư, dịch vụ
						Công ty TNHH Phát điện GELEX (THIBIDI)	Năm 2023	11.513.663.078
						Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM)	Năm 2023	11.715.360.597
						Công ty Cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI)	Năm 2023	221.083.252.247
						Công ty TNHH Phát điện GELEX	Năm 2023	1.489.016.400
						Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận (GELEX Ninh Thuận)	Năm 2023	48.107.089.039

Tổng quan về GELEX ELECTRIC

Báo cáo và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Quản trị Công ty

Báo cáo phát triển bền vững

Báo cáo tài chính hợp nhất

Phụ lục

Phụ lục 02: Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
2	Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Người có liên quan của người nội bộ	Thành viên HDQT; Tổng Giám đốc; Trưởng BKS; KTT	3600253826 Ngày 10/10/2022 Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Đường số 9, KCN Hòa 1, cấp điện Việt Nam phường An Bình, (CADIVI) thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	Năm 2023	CADIVI bán hàng hóa, thành phẩm EMIC bán hàng hóa EMIC bán thành phẩm EMIC Mua hàng hóa và dịch vụ
						Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM)	Năm 2023	65.941.725.000 8.800.404
						Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đồng Anh (MEE)	Năm 2023	365.000.000 829.497.500 356.036.232
						Công ty Dây đồng Việt Nam CFT (CFT)	Năm 2023	119.983.091.173
3	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Người có liên quan của người nội bộ	Phó TGD	3600241669 Ngày 22/03/2022 Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Đường D3-3, KCN Long Đức, Xã cấp điện Việt Nam Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	Năm 2023	819.178.834.283
						Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Năm 2023	580.126.996.274
						Cadivi Đồng Nai Mua nguyên vật liệu Chi phí Gia công Lãi gia hạn thanh toán		2.048.982.095.347 15.910.000 170.186.068

Phụ lục 02: Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

Tổng quan về GELEX ELECTRIC

Báo cáo và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Quản trị Công ty

Báo cáo phát triển bền vững

Báo cáo tài chính hợp nhất

Phụ lục

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
4	Công ty CP Máy tính – Truyền thông – Điều khiển 3C	Người có liên quan của Người nội bộ	Thành viên HĐQT	0100231314 Ngày cấp: 17/09/1992; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP.Hà Nội	Số 54 Giang Văn Minh, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Công ty Cổ phần Dây cáp GELEX	Năm 2023	Chi trả Cổ tức 33.000.000.000
5	Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội	Người có liên quan của Người nội bộ	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	0100100456 Ngày cấp: 03/10/2022; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP.Hà Nội	Km12 Đường Cầu Diên – Phường Phúc Diên – Q. (CADIVI) Bắc Từ Liêm – Hà Nội	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI) EMIC bán hàng hóa, thành phẩm	Năm 2023	8.700.468.697 399.682.500 599.897.800
6	Công ty CP Thiết bị đo điện Emic	Người có liên quan của Người nội bộ	Thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc	0108453005 Ngày cấp: 03/01/2023; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP.Hà Nội	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam	Công ty Cổ phần Dây Thiết bị điện (THIBIDI) THIBIDI cung cấp hàng hóa, dịch vụ	Năm 2023	2.066.058.000
7	Công ty TNHH MTV Năng Gelex Ninh Thuận	Người có liên quan của Người nội bộ	Phó TGDĐ	4500618017 Ngày cấp: 27/10/2021; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận	Thôn Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI) Cadivi Đồng Nai	Năm 2023	140.231.846 652.348.275

Phụ lục 02: Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
8	Công ty TNHH Phát điện GELEX	Người có liên quan của Người nội bộ	Phó TGDĐ	0107819237 Ngày cấp: 13/01/2022; Nơi cấp: Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Công ty Cổ phần Phú Thịnh Mỹ (PTM) Phát điện GELEX (lãi cho vay)	Năm 2023	9.724.442.476 5.700.000.001
9	Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Người có liên quan của Người nội bộ	Thành viên HĐQT; Trưởng BKS; KTT	0300381564 Ngày cấp: 16/01/2020; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP Hồ Chí Minh	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT (CFT) CFT bán hàng hóa	Năm 2023	818.178.834.283
10	Công ty Cổ phần Hạ Tầng Gelex	Người có liên quan của Người nội bộ	Thành viên HĐQT	0107652857 Ngày cấp: 03/03/2022; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP Hà Nội	52 Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (MEE) Cung cấp dịch vụ	Năm 2023	312.648.660
11	Tổng công ty thiết bị điện Đồng Anh – CTCP	Người có liên quan của Người nội bộ	Thành viên HĐQT	0103008085 Ngày cấp: 01/11/2017; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Số 189, đường Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.	THIBIDI bán hàng hóa, thành phẩm THIBIDI nhận cổ tức MEE bán hàng hóa, dịch vụ MEE mua hàng hóa, dịch vụ	Năm 2023	9.798.338.000 29.936.286.000 3.385.638.000 1.515.761.000
12	Công ty Cổ phần Phú Thịnh Mỹ	Người có liên quan của Người nội bộ	Phó TGDĐ	4000455251 Ngày cấp: 03/03/2022; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI) Ninh Thuận mua hàng hóa, dịch vụ	Năm 2023	3.910.149.721 254.000.000

GELEX ELECTRIC